

**VIỆN HÀN LÂM
KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
HỌC VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI**

NGUYỄN THỊ VÂN QUỲNH

**BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CHỦ NỢ THEO PHÁP LUẬT PHÁ
SẢN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

Ngành: Luật kinh tế
Mã số: 60.38.01.07

LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

NGƯỜI HƯỚNG DẪN KHOA HỌC: TS. TRẦN VĂN BIÊN

HÀ NỘI, 2018

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của riêng tôi. Các số liệu, trích dẫn nêu trong luận văn là trung thực và có nguồn gốc rõ ràng. Những kết luận khoa học của luận văn chưa từng được công bố trong bất cứ công trình nào.

Hà Nội, ngày tháng năm 2018

TÊN TÁC GIẢ

NGUYỄN THỊ VÂN QUỲNH

MỤC LỤC

MỞ ĐẦU	1
Chương 1: MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CHỦ NỢ TRONG GIẢI QUYẾT YÊU CẦU PHÁ SẢN	7
1.1. Khái quát chung về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giải quyết yêu cầu phá sản.....	7
1.2. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong quá trình giải quyết yêu cầu phá sản	14
Chương 2: THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CHỦ NỢ Ở VIỆT NAM	29
2.1. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giai đoạn nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản	29
2.2. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giai đoạn mở thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản .	33
2.3. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giai đoạn tiến hành Hội nghị chủ nợ	34
2.4. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ	39
2.5. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giai đoạn thực thi quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã	46
Chương 3: HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CHỦ NỢ TRONG THỦ TỤC PHÁ SẢN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY	51
3.1. Những yêu cầu đối với việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản.....	51
3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản	53
KẾT LUẬN	62
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	63

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong nền kinh tế thị trường phá sản được xem là một hiện tượng kinh tế - xã hội tất yếu. Bên cạnh những hậu quả để lại cho nền kinh tế mà các doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản mang lại, thì phá sản cũng có những ảnh hưởng tích cực không thể phủ nhận, đó là đào thải những doanh nghiệp, hợp tác xã làm ăn kém hiệu quả ra khỏi nền kinh tế, đảm bảo một môi trường kinh doanh bền vững. Ở Việt Nam, sau hơn 30 năm tiến hành đổi mới toàn diện đất nước kể từ Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VI (tháng 12-1986), cho đến nay, nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa vẫn đang trên đà phát triển và được định hình rõ nét. Bằng chứng đó là số lượng các doanh nghiệp gia tăng mạnh mẽ với đa dạng loại hình kinh doanh. Tuy nhiên, cùng với đó nền kinh tế Việt Nam cũng phải đương đầu với những cuộc khủng hoảng kinh tế kéo dài, đối diện với không ít nguy cơ và thách thức to lớn khiến cho hàng loạt doanh nghiệp, hợp tác xã ở nước ta làm ăn thua lỗ, bị phá sản hoặc đứng trước bờ vực phá sản.

Luật Phá sản 2004 được đánh giá là một bước tiến bộ lớn trong kỹ thuật lập pháp so với Luật Phá sản doanh nghiệp năm 1993, tiệm cận với pháp luật về phá sản của các nước phát triển. Tuy nhiên, sau gần 10 năm triển khai và thi hành trên thực tế, Luật Phá sản 2004 đã bộc lộ rất nhiều hạn chế, gây khó khăn cho các doanh nghiệp, hợp tác xã và các chủ thể khác khi tham gia vào quá trình giải quyết phá sản. Để loại bỏ hạn chế, khắc phục những khó khăn trên, ngày 19 tháng 06 năm 2014, Quốc hội khóa XIII đã thông qua Luật Phá sản mới, chính thức có hiệu lực từ ngày 01/01/2015 với nhiều quy định khắc phục được các bất cập của Luật Phá sản 2004. Tuy nhiên, sự tiến bộ này là chưa triệt để, khiến cho việc giải quyết phá sản các doanh nghiệp vẫn còn gặp nhiều trở ngại, gây ảnh hưởng không nhỏ cho các chủ thể khi tham gia vào quá trình tố tụng đặc biệt này.

Giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là một quá trình tố tụng tư pháp với sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, trong đó, thể hiện rõ nét vai trò đặc biệt quan trọng của các chủ nợ. Bên cạnh vai trò “cầm cân nảy mực” của Tòa án, chủ

nợ cũng có vai trò to lớn trong việc giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Điều đó dựa trên tinh thần bảo vệ quyền và lợi ích cho chủ thể bị ảnh hưởng lớn nhất trước nguy cơ một doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản, vì một “con nợ chết” sẽ kéo theo hàng loạt chủ nợ có thể đứng trước nguy cơ mất trắng tài sản và lâm vào tình trạng bi đát về tài chính, và hơn hết, các chủ nợ khi cho vay đều không mong muốn con nợ của mình “chết” hoặc “sống” nhưng không có khả năng trả nợ. Luật Phá sản 2014 đã có những quy định xuyên suốt nhằm bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ trong quá trình tiến hành thủ tục giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Tuy nhiên, thực tiễn thi hành cho thấy việc đảm bảo những quyền lợi của chủ nợ theo tinh thần của Luật Phá sản còn gặp nhiều khó khăn, nguyên nhân là do các chủ nợ chưa thấu hiểu hết được vai trò quan trọng của mình trong việc giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; đồng thời những quy định của Luật Phá sản 2014 vẫn còn nhiều bất cập, chưa bắt kịp với sự phát triển của xã hội và tư duy lập pháp tiên tiến trên thế giới cũng như thiếu tính khả thi khiến cho các chủ nợ chưa phát huy được vai trò của mình trên thực tế. Trong bối cảnh đó, tác giả lựa chọn đề tài “*Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ theo pháp luật phá sản ở Việt Nam hiện nay*” để nghiên cứu trong luận văn thạc sỹ luật học của mình.

Tác giả hy vọng đề tài có thể đem đến cái nhìn toàn diện và sâu sắc về việc bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ trong quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã theo quy định của pháp luật phá sản hiện nay, từ đó khuyến khích các chủ nợ tham gia tích cực vào quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã giúp các chủ nợ nắm bắt và phát huy được vai trò của mình, thúc đẩy quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã đạt hiệu quả thiết thực trên thực tế. Đồng thời, đề tài kỳ vọng sẽ đề xuất được những giải pháp hữu hiệu góp phần hoàn thiện các quy định của pháp luật phá sản về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ nói riêng và hoàn thiện hệ thống pháp luật phá sản nói chung, cũng như nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật trên thực tế.

2. Tình hình nghiên cứu đề tài

Luật Phá sản luôn là văn bản quy phạm pháp luật quan trọng điều chỉnh hiện tượng phá sản – một hiện tượng tất yếu trong nền kinh tế thị trường, đặc biệt là ở các quốc gia có nền kinh tế phát triển. Đồng thời, Luật Phá sản cũng là một đối tượng nghiên cứu được các nhà nghiên cứu quan tâm. Ở Việt Nam, kể từ khi pháp luật về phá sản bắt đầu hình

thành ở nước ta, cụ thể là từ khi Luật Phá sản doanh nghiệp 1993 ra đời cho đến nay, đã có khá nhiều công trình khoa học nghiên cứu và phân tích các quy định trong hệ thống pháp luật phá sản, chỉ ra những bất cập, hạn chế còn tồn tại, trong đó có cả những quy định về chủ nợ và sự bảo đảm quyền lợi của chủ thể này. Có thể kể đến một số công trình nghiên cứu như:

- Luận văn thạc sỹ luật học “*Luật Phá sản của Việt Nam và Luật Phá sản của Cộng hòa Pháp – những nét tương đồng và khác biệt*” của tác giả An Phương Huệ - Đại học Luật Hà Nội, năm 2004. Luận văn tập trung phân tích các quy định của pháp luật phá sản Việt Nam trong mối liên hệ so sánh với Luật Phá sản Pháp, từ đó rút ra những bài học kinh nghiệm góp phần hoàn thiện pháp luật phá sản ở nước ta.

- Luận văn thạc sỹ luật học “*Thủ tục giải quyết phá sản theo Luật Phá sản 2004*” của tác giả Đồng Thái Quang – Đại học Luật Hà Nội, năm 2005 và “*Thủ tục phá sản – Thực trạng và hướng hoàn thiện*” của tác giả Đào Thị Hồng Phương – Đại học Luật Hà Nội, năm 2009. Hai luận văn phân tích các quy định của pháp luật về thủ tục phá sản, trong đó có đề cập đến vai trò của chủ nợ khi tham gia quá trình giải quyết phá sản với tư cách là một chủ thể quan trọng.

- Các công trình nghiên cứu dưới dạng bài viết tạp chí đề cập đến một số khía cạnh liên quan đến Luật Phá sản và có nhắc đến các quy định về chủ nợ như bài viết “*Về một số nội dung của Luật Phá sản 2004*” của tác giả Ngô Cường được đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 16/2007; bài viết “*Những vướng mắc trong quá trình thực hiện Luật Phá sản*” của tác giả La Minh Tường đăng trên Tạp chí Tòa án nhân dân, số 15/2012; bài viết “*Mạn đàm về một số quy định về Hội nghị chủ nợ trong Luật Phá sản 2004*” của tác giả Nguyễn Thị Tình và Đỗ Phương Thảo được đăng trên Chuyên đề báo Pháp luật số tháng 6/2013; hay bài viết “*Luật Phá sản 2004 những bất cập và kiến nghị hoàn thiện*” của tác giả Dương Đức Chính đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 24/2012 và “*Những khó khăn, vướng mắc và các giải pháp kiến nghị sửa đổi Luật Phá sản 2004*” của tác giả Nguyễn Thanh Thủy đăng trên tạp chí Tòa án nhân dân, số 16/2013,... Hầu hết các công trình nghiên cứu đều tập trung khai thác một cách tổng thể các quy định của Luật Phá sản để từ đó đánh giá và đưa ra được những kiến nghị hoàn thiện pháp luật.

Xét dưới góc độ nghiên cứu riêng về chủ nợ trong Luật Phá sản thì có rất ít công trình nghiên cứu tập trung phân tích sâu sắc vấn đề này, có thể kể đến một vài công trình nghiên cứu hướng đến đối tượng nghiên cứu là chủ nợ như:

- Khóa luận “*Quyền và nghĩa vụ của chủ nợ và con nợ trong thủ tục phá sản*” của tác giả Trịnh Thị Thúy Hằng – Đại học Luật Hà Nội, năm 2008.

- Bài viết “*Điều hòa lợi ích giữa chủ nợ và con nợ thông qua thủ tục phá sản*” của tác giả Trần Văn Tú và Nguyễn Văn Giang được đăng trên Tạp chí Nghiên cứu lập pháp, số 03/2012.

- Luận văn thạc sỹ “*Quyền của người lao động trong pháp luật phá sản của Việt Nam*” của tác giả Nguyễn Đức Ngọc – Khoa Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội, năm 2016.

Các công trình khoa học và bài viết kể trên đều có giá trị to lớn về lý luận và thực tiễn. Tuy nhiên, hầu như chưa có một công trình nào nghiên cứu một cách toàn diện và sâu sắc nhằm làm rõ vấn đề bảo vệ quyền lợi của chủ nợ - một chủ thể rất quan trọng tham gia vào quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp. Do đó, với đề tài nghiên cứu của mình, trên cơ sở kế thừa những đánh giá, phân tích của các công trình nghiên cứu trước, tác giả hy vọng sẽ làm phong phú thêm tri thức khoa học pháp lý chuyên ngành về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ theo pháp luật phá sản Việt Nam hiện hành.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

Mục đích nghiên cứu

Lựa chọn nghiên cứu đề tài trên, tác giả mong muốn phân tích làm sáng tỏ các quy định của Luật Phá sản về việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và thực tiễn thi hành các quy định này trên thực tế, trên cơ sở đó đề ra một số kiến nghị nhằm tiếp tục hoàn thiện các quy định của Luật Phá sản để bảo vệ triệt để quyền lợi của chủ nợ và nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật.

Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục đích trên, luận văn đề ra các nhiệm vụ nghiên cứu cơ bản như sau:

- Phân tích làm rõ những vấn đề lý luận về chủ nợ và quyền lợi của chủ nợ, những yếu tố tác động đến quyền lợi của chủ nợ trong quá trình giải quyết yêu cầu phá sản.

- Phân tích nội dung cơ bản của pháp luật phá sản về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản.

- Xác định các yêu cầu và đề xuất giải pháp nhằm góp phần hoàn thiện các quy định của Luật Phá sản về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ, tạo điều kiện để các chủ nợ phát huy được vai trò của mình trên thực tế, từ đó nâng cao hiệu quả giải quyết phá sản.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu

Luận văn tập trung nghiên cứu những vấn đề lý luận về các loại chủ nợ và quyền lợi của chủ nợ trong các giai đoạn giải quyết phá sản được Luật Phá sản bảo vệ; đồng thời luận văn cũng phân tích những bất cập, hạn chế của pháp luật phá sản gây khó khăn cho các chủ nợ trong việc phát huy vai trò và bảo vệ quyền lợi của mình trên thực tế; từ đó đề xuất những giải pháp nhằm bảo vệ triệt để quyền lợi của chủ nợ, góp phần hoàn thiện Luật Phá sản 2014

Phạm vi nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu dựa trên phạm vi các quy định của pháp luật phá sản Việt Nam hiện hành và hướng đến đối tượng chính là các chủ nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã trong vụ việc phá sản, ngoài ra, luận văn còn có sự đối chiếu với các quy định của Luật Phá sản 2004, Luật phá sản doanh nghiệp 1993.

5. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Luận văn được nghiên cứu dựa trên cơ sở lý luận và phương pháp luận Triết học Mac-Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng, Nhà nước Việt Nam về vấn đề cải cách tư pháp và xây dựng nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa. Ngoài ra, tác giả còn sử dụng các phương pháp diễn dịch, phương pháp quy nạp, phương pháp lịch sử, phương pháp phân tích, phương pháp so sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp thống kê để thực hiện luận văn.

6. Ý nghĩa luận và thực tiễn của luận văn

Ý nghĩa lý luận: Đây là công trình nghiên cứu khoa học tương đối toàn diện những vấn đề lý luận và thực tiễn liên quan đến bảo vệ quyền lợi chủ nợ theo pháp luật phá sản ở Việt Nam hiện nay. Luận văn góp phần làm sáng tỏ hơn nữa vấn đề lý luận về quyền của chủ nợ trong thủ tục phá sản.

Ý nghĩa thực tiễn:

- Luận văn đã đánh giá được thực trạng áp dụng các quy định về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ theo Luật Phá sản, đồng thời đi sâu nghiên cứu những hạn chế, vướng mắc trong thực tiễn áp dụng các quy định này, trên cơ sở tìm ra những nguyên nhân của thực trạng đó.

- Luận văn đề ra một số định hướng cơ bản nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản. Đề xuất, kiến nghị một số giải pháp cụ thể góp phần hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản.

- Luận văn còn có thể là nguồn tài liệu tham khảo đối với hoạt động nghiên cứu, giảng dạy, học tập và áp dụng pháp luật về phá sản.

7. Cơ cấu của luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, luận văn có bố cục gồm ba chương:

Chương 1: Một số vấn đề lý luận về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản

Chương 2: Thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản ở Việt Nam

Chương 3: Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản ở Việt Nam hiện nay

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CHỦ NỢ TRONG GIẢI QUYẾT YÊU CẦU PHÁ SẢN

1.1. Khái quát chung về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giải quyết yêu cầu phá sản

1.1.1. Sự cần thiết phải vệ quyền lợi của chủ nợ trong giải quyết yêu cầu phá sản

Trong pháp luật phá sản cũng như trong thực tiễn giải quyết phá sản doanh nghiệp, chủ nợ cũng như việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ có vai trò rất quan trọng. Quyền lợi của chủ nợ được bảo vệ và được giải quyết một cách hợp lý, đúng pháp luật là một trong những yếu tố quyết định việc xử lý thành công một vụ việc phá sản.

Giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã là một quá trình tố tụng tư pháp với sự tham gia của nhiều chủ thể khác nhau, trong đó, thể hiện rõ nét vai trò đặc biệt quan trọng của các chủ nợ. Bên cạnh vai trò “cầm cân nảy mực” của Tòa án, chủ nợ cũng có vai trò to lớn trong việc giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Một “con nợ chết” sẽ kéo theo hàng loạt chủ nợ có thể đứng trước nguy cơ mất trắng tài sản và lâm vào tình trạng bi đát về tài chính, và hơn hết, các chủ nợ khi cho vay đều không mong muốn con nợ của mình “chết” hoặc “sống” nhưng không có khả năng trả nợ. Vì vậy, việc bảo vệ quyền và lợi ích cho chủ thể bị ảnh hưởng lớn nhất trước nguy cơ một doanh nghiệp, hợp tác xã bị mất khả năng thanh toán là điều vô cùng cần thiết.

Bên cạnh đó, ngày nay, quan niệm về việc kinh doanh đã được thay đổi, người ta không còn coi phá sản là một tội phạm và người gây ra sự phá sản là một phạm nhân, cách ứng xử của Nhà nước và pháp luật đối với con nợ đã được thiết kế theo hướng tích cực, có lợi cho con nợ. Do sự biến động không lường của thị trường và các yếu tố khách quan khác nên tình trạng kinh doanh thua lỗ, không trả được nợ đến hạn đều có thể xảy ra bất cứ lúc nào đối với bất kỳ nhà

kinh doanh nào. Một doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản có thể kéo theo nhiều hậu quả xấu đối với xã hội, mà trước hết là đối với các chủ nợ. Chính vì vậy, khi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thì vấn đề đầu tiên mà Nhà nước quan tâm giải quyết không phải là việc tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản ngay và phân chia tài sản của nó cho các chủ nợ mà là việc phải tìm mọi cách để giúp đỡ con nợ thoát khỏi tình trạng khó khăn này. Một trong những biện pháp hữu hiệu nhất để bảo vệ được con nợ chính là bảo vệ chủ nợ. Có thể thấy, khi các chủ nợ cảm thấy quyền lợi của mình được pháp luật bảo vệ chặt chẽ hơn, rủi ro trong cho vay giảm đi, họ có thể mạnh dạn hơn trong việc cho vay, hoặc cho vay với điều khoản thuận lợi hơn hay lãi suất thấp hơn, và như thế, cuối cùng, doanh nghiệp, hợp tác xã “là người đi vay” vẫn là người được hưởng lợi. Chính vì thế, bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong tiến trình giải quyết yêu cầu phá sản là hết sức quan trọng.

1.1.2. Ý nghĩa của bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giải quyết yêu cầu phá sản

Hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền chủ nợ có ý nghĩa quan trọng đối với đời sống của nền kinh tế và xã hội:

Thứ nhất, nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn lực của xã hội. Một hệ thống pháp luật bảo vệ quyền chủ nợ hữu hiệu sẽ cho phép giải phóng nguồn lực của xã hội ra khỏi các khu vực sử dụng yếu kém và tái phân bổ đến những các khu vực sử dụng có hiệu quả hơn. Thực tiễn cũng chứng minh các quốc gia thiết lập khung pháp lý về xử lý nợ mất khả năng thanh toán và bảo vệ quyền chủ nợ hữu hiệu cũng đồng thời là quốc gia có hệ thống tài chính phát triển, lành mạnh và nền kinh tế phát triển.

Thứ hai, tạo dựng và duy trì niềm tin của nhà đầu tư, góp phần nâng cao tính ổn định và nhịp độ phát triển của nền kinh tế. Hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền chủ nợ hiệu quả, minh bạch và có thể dự đoán được sẽ góp phần tạo dựng

và duy trì niềm tin của nhà đầu tư qua đó sẽ góp phần huy động nhiều vốn đầu tư hơn cho nền kinh tế. Nhìn chung, những nghiên cứu về thị trường nợ cho thấy rằng các quy định của pháp luật có ảnh hưởng rất lớn tới việc huy động vốn từ bên ngoài. Các kết quả cũng cho thấy rằng luật lệ tốt và thực thi hiệu quả có tác động đáng kể đối với quy mô của thị trường nợ. Thực tiễn cũng cho thấy những sự khác biệt lớn về quy mô và độ sâu của thị trường vốn tại các nước với luật pháp có xuất xứ khác nhau. Ngoài ra, những khác biệt về mức độ bảo vệ quyền chủ nợ có tác động đối với một số điểm khác biệt về quy mô và độ sâu của thị trường vốn tại các nước. Kết quả của nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng chất lượng của môi trường pháp lý tác động đáng kể đến khả năng của các doanh nghiệp tại các nước khác nhau trong việc huy động vốn từ bên ngoài. Theo đó, khả năng huy động vốn của nền kinh tế tỷ lệ thuận với chất lượng của hệ thống pháp luật. Đồng thời, hệ thống pháp luật về bảo vệ quyền chủ nợ hữu hiệu cũng góp phần ổn định kinh tế vĩ mô, duy trì sự tăng trưởng kinh tế và ngăn chặn khủng hoảng.

Thứ ba, góp phần đấu tranh và phòng chống một cách có hiệu quả những hiện tượng tiêu cực nảy sinh trong quá trình vận hành của nền kinh tế thị trường, đồng thời bảo vệ một cách chắc chắn lợi ích hợp pháp của các chủ nợ và nâng cao tính tự chịu trách nhiệm của các con nợ trước những ràng buộc bởi các điều kiện vay nợ, góp phần tăng cường kỷ luật hợp đồng. Ngoài ra, pháp luật về xử lý nợ mất khả năng thanh toán và bảo vệ quyền chủ nợ còn có vai trò quan trọng trong việc quy định nhiệm vụ, quyền hạn trách nhiệm của mỗi loại cán bộ, mỗi cán bộ làm việc trong từng cơ quan cụ thể của bộ máy nhà nước. Nhờ đó, các hiện tượng lạm quyền, nhũng nhiễu, vô trách nhiệm... của đội ngũ công chức, viên chức nhà nước có liên quan đến việc quá trình xử lý nợ mất khả năng thanh toán và bảo vệ quyền chủ nợ dễ dàng được phát hiện và loại trừ.

Thứ tư, tạo ra tiền đề pháp lý vững chắc để ổn định các quan hệ kinh tế. Ngoài vai trò củng cố, tăng cường quyền lực và phương tiện quản lý kinh tế

của nhà nước, một hệ thống pháp luật về xử lý nợ mất khả năng thanh toán và bảo vệ quyền chủ nợ phù hợp sẽ còn là tiền đề vững chắc cho mọi thành phần kinh tế yên tâm trong hoạt động và chủ động tập trung tiềm lực kinh tế vào sản xuất, kinh doanh, cung ứng dịch vụ. Đồng thời, nó còn là cơ sở pháp lý để xử lý các tranh chấp nảy sinh một cách hiệu quả, minh bạch, bình đẳng thực sự giữa các thành phần kinh tế.

1.1.3. Vai trò của pháp luật phá sản trong bảo vệ quyền lợi của chủ nợ

Thứ nhất, pháp luật phá sản bảo vệ quyền đòi nợ công bằng của các chủ nợ

Mục đích chính của pháp luật về phá sản là thay thế cơ chế xiết nợ theo kiểu “mạnh ai nấy được”. Bảo vệ quyền lợi cho chủ nợ trước tiên là bảo vệ các quyền về tài sản của các chủ nợ. Khi doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ không trả được nợ cho các chủ nợ thì chủ nợ có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã để bán toàn bộ tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã để trả cho các chủ nợ. Luật Phá sản còn đảm sự bình đẳng của các chủ nợ trong việc đòi nợ. Không một con nợ nào được quyền đòi nợ một cách riêng lẻ. Không một chủ nợ nào được con nợ trả nợ cho mình trong khi các chủ nợ khác chưa được trả nợ. Tất cả các chủ nợ đều phải đợi đến khi Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản và cùng nhau chia số tài sản còn lại theo tỷ lệ (trừ những chủ nợ có một sự đảm bảo đặc biệt cho món nợ của mình như có tài sản cầm cố, thế chấp).

Pháp luật phá sản Việt Nam thể hiện rất rõ trong việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ thông qua hàng loạt các quy định: quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, quyền khiếu nại danh sách chủ nợ, quyền biểu quyết thông qua phương án phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh, quyền khiếu nại quyết định tuyên bố phá sản;...

Thứ hai, pháp luật phá sản bảo vệ người lao động

Khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản thì những người lao động là đối tượng phải chịu hậu quả trực tiếp. Họ sẽ bị mất việc làm, mất nguồn thu nhập để đảm bảo đời sống cho bản thân và gia đình. Cơ chế phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp được đặt ra là cơ hội để cứu doanh nghiệp, hợp tác xã thoát khỏi tình

trạng phá sản cũng chính cứu người lao động thoát khỏi nguy cơ mất việc làm. Bên cạnh đó, sự bảo vệ của Luật Phá sản đối với người làm công thể hiện ở chỗ pháp luật cho phép người lao động được quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án tuyên bố phá sản hoặc phản đối yêu cầu tuyên bố phá sản; quyền được tham gia quá trình giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản; quyền được ưu tiên thanh toán nợ lương trước các khoản nợ khác của doanh nghiệp,

Thứ ba, pháp luật phá sản duy trì trật tự trong kinh doanh, trật tự xã hội

Khi doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản thì chủ nợ nào cũng muốn lấy được càng nhiều càng tốt tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản. Như vậy nếu không có Luật để đưa vấn đề phân chia tài sản của con nợ theo một trật tự nhất định, nhằm bảo đảm sự công bằng và khách quan mà cứ để mạnh ai người nấy lấy một cách vô tổ chức thì sẽ gây ra tình trạng lộn xộn, mất trật tự, gây ra mâu thuẫn giữa chủ nợ với con nợ, giữa chủ nợ với nhau. Bằng việc giải quyết công bằng, thỏa đáng mối quan hệ về lợi ích giữa chủ nợ và con nợ và giữa các chủ nợ với nhau, pháp luật về phá sản góp phần giải quyết mâu thuẫn, hạn chế những căng thẳng có thể có giữa họ với nhau, nhờ đó đảm bảo được trật tự kỷ cương của xã hội.

1.1.4. Phương thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giải quyết yêu cầu phá sản

Pháp luật phá sản là toàn bộ các quy phạm pháp luật quy định về điều kiện mở thủ tục phá sản, điều kiện áp dụng thủ tục phục hồi hoặc thủ tục áp dụng thủ tục thanh lý doanh nghiệp, quy định trình tự, thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản cũng như thi hành quyết định tuyên bố phá sản, về địa vị pháp lý và mối quan hệ giữa các chủ thể tham gia tố tụng phá sản và các vấn đề khác phát sinh trong quá trình giải quyết vụ việc phá sản. Nội dung của pháp luật phá sản không chỉ bao gồm trình tự thu hồi tài sản và thanh toán theo một thứ tự nhất định cho các chủ nợ mà nó còn có một khía cạnh thứ hai đáng lưu ý là: tạo cơ hội cho người mắc nợ và chủ nợ thỏa thuận, tái tổ chức kinh doanh và lập kế hoạch trả nợ phù hợp. Phá sản là hiện tượng bình thường và cần thiết của kinh tế thị trường, còn pháp luật phá sản là sự can thiệp có ý thức của nhà nước vào

hiện tượng này nhằm hạn chế tối đa những hậu quả tiêu cực và khai thác những mặt tích cực của nó.

Trong pháp luật phá sản của đa số các nước đều xác định chủ nợ là các pháp nhân hay thể nhân có các khoản nợ không được trả đúng hạn. Khi mới hình thành, Luật phá sản chủ yếu được áp dụng cho các thương gia nhằm bảo vệ lợi ích của các chủ nợ. Đồng thời với quá trình dân chủ hóa các hoạt động kinh tế, nhất là xu thế mở rộng quyền tự do và bình đẳng trong kinh doanh, pháp luật về phá sản ngày càng có xu hướng nhân đạo hóa các biện pháp áp dụng đối với chủ doanh nghiệp, hợp tác xã bị phá sản, phát triển các quy định nhằm bảo vệ lợi ích của các con nợ. Tuy nhiên lợi ích của các chủ nợ vẫn là mục tiêu bảo vệ hàng đầu. Cơ chế pháp luật bảo vệ quyền chủ nợ hiệu quả thể hiện dưới hai khía cạnh sau đây: Cho phép chủ nợ có quyền phong tỏa tài sản của con nợ, bán các tài sản này và đầu tư số tiền này vào các hoạt động khác có hiệu quả hơn khi con nợ mất khả năng thanh toán và không thể phục hồi; Cho phép chủ nợ kiểm soát các hoạt động quản lý của con nợ trong trường hợp con nợ đang có nguy cơ bị mất khả năng thanh toán, không trả được nợ đúng thỏa thuận. Cụ thể:

Các chủ nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã là những người có quyền lợi bị ảnh hưởng nhiều nhất trong một vụ phá sản. Do đó, pháp luật phá sản quy định các quyền cho chủ nợ để họ có thể tham gia bảo vệ lợi ích của mình. Pháp luật cho phép các chủ nợ không có bảo đảm hoặc có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã bị mất khả năng thanh toán. Chủ nợ có quyền khiếu nại về quyết định không mở thủ tục giải quyết yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã, có quyền khiếu nại về danh sách chủ nợ, có quyền khiếu nại về quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Các chủ nợ có quyền tham gia hội nghị chủ nợ để xem xét, thông qua phương hướng hòa giải tổ chức lại hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc thảo luận và kiến nghị với Thẩm phán về việc phân chia giá trị tài sản còn lại của DN nếu không có phương án hòa giải hoặc

phương án hòa giải không được thông qua (chỉ những chủ nợ không có bảo đảm hoặc chủ nợ có bảo đảm một phần mới có quyền biểu quyết tại hội nghị chủ nợ).

Ngoài ra, việc bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ nợ còn được thể hiện qua quy định: kể từ ngày nhận được quyết định mở thủ tục phá sản, nghiêm cấm doanh nghiệp, hợp tác xã cất giấu, tẩu tán tài sản; thanh toán nợ không có bảo đảm; từ bỏ hoặc giảm bớt quyền đòi nợ; chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành nợ có bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Bên cạnh đó, sau khi nhận được quyết định mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã phải được sự đồng ý bằng văn bản của Thẩm phán trước khi thực hiện những hoạt động sau: cầm cố, thế chấp, chuyển nhượng, bán, tặng cho, cho thuê tài sản; nhận tài sản từ một hợp đồng chuyển nhượng; chấm dứt thực hiện hợp đồng đã có hiệu lực; vay tiền; bán, chuyển đổi cổ phần hoặc chuyển quyền sở hữu tài sản; thanh toán các khoản nợ mới phát sinh từ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã và trả lương cho người lao động trong doanh nghiệp, hợp tác xã.

Để bảo vệ tuyệt đối quyền lợi cho các chủ nợ, pháp luật phá sản cho phép chủ nợ không có bảo đảm còn có quyền yêu cầu Tòa án tuyên bố các giao dịch của doanh nghiệp, hợp tác xã vô hiệu. Khi các giao dịch này được tuyên bố vô hiệu thì những tài sản thu hồi được phải nhập vào khối tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã. Trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản nếu xét thấy việc đình chỉ thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực và đang được thực hiện hoặc chưa được thực hiện sẽ có lợi hơn cho doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ nợ cũng có quyền yêu cầu Tòa án ra quyết định đình chỉ thực hiện hợp đồng.

Luật Phá sản còn đảm sự bình đẳng của các chủ nợ trong việc đòi nợ. Không một con nợ nào được quyền đòi nợ một cách riêng lẻ. Không một chủ nợ nào được con nợ trả nợ cho mình trong khi các chủ nợ khác chưa được trả nợ. Tất cả các chủ nợ đều phải đợi đến khi Tòa án tuyên bố doanh nghiệp, hợp tác

xã phá sản và cùng nhau chia số tài sản còn lại theo tỷ lệ (trừ những chủ nợ có một sự đảm bảo đặc biệt cho món nợ của mình như có tài sản cầm cố, thế chấp).

1.2. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong quá trình giải quyết yêu cầu phá sản

1.2.1. Khái niệm chủ nợ và phân loại chủ nợ

1.2.1.1. Khái niệm chủ nợ

Trong những năm đầu của thời kỳ đổi mới, khi nền kinh tế thị trường ở Việt Nam chưa được định hình rõ nét, các doanh nghiệp, hợp tác xã ra đời với số lượng ít ỏi và chưa có sự cạnh tranh gay gắt trên thương trường, nhu cầu về vốn hay áp lực nợ nần chưa phải là vấn đề phổ biến. Bước vào thời kỳ hội nhập, nền kinh tế ngày càng phát triển kéo theo sự gia tăng mạnh mẽ của các doanh nghiệp, hợp tác xã sự cạnh tranh trong kinh doanh trở nên khốc liệt. Doanh nghiệp, hợp tác xã nào đủ mạnh, có tiềm lực về kinh tế thì sẽ tồn tại và ngược lại. Để phát triển kinh doanh và tăng cường khả năng cạnh tranh, các doanh nghiệp, hợp tác xã cần phải có số vốn lớn để hoạt động; nhu cầu về vốn luôn là “bài toán khó” cần tìm “lời giải” của hầu hết các doanh nghiệp, hợp tác xã hiện nay.

Cùng với sự phát triển chung của xã hội, pháp luật cũng được bổ sung và hoàn thiện hơn, kịp thời điều chỉnh những quan hệ kinh tế thiết yếu, trong đó có quan hệ về vay vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã. Pháp luật Việt Nam đã tạo hành lang pháp lý khá thông thoáng cho các doanh nghiệp, hợp tác xã có thể huy động vốn bằng nhiều con đường khác nhau: bằng cách đi vay, thế chấp tài sản để vay hay phát hành trái phiếu,... Và cũng như quan hệ cho vay trong dân sự, những người cho doanh nghiệp, hợp tác xã vay được gọi là chủ nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Tuy nhiên, không phải chỉ những đối tượng cho doanh nghiệp, hợp tác xã vay thì mới là chủ nợ; trong quá trình hoạt động kinh doanh; doanh nghiệp, hợp tác xã bên cạnh việc đi vay vốn còn có những nghĩa vụ tài sản đối với tổ chức, cá nhân khác; ví dụ như trong giao dịch hợp đồng kinh tế đối với đối tác, hay quan hệ nộp thuế, tiền bồi thường thiệt hại, tiền phạt vi phạm,... Những nghĩa vụ đó nếu bị tồn đọng mà doanh nghiệp, hợp tác xã chưa thanh toán thì đều được xem là những khoản nợ và bản thân đối tượng bị doanh nghiệp, hợp tác xã nợ cũng chính là chủ nợ của doanh nghiệp.

Luật Phá sản 2014 quy định: “*chủ nợ là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ, bao gồm chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ có bảo đảm*”. Bên cạnh đó, chủ nợ còn là những người cần được pháp luật phá sản bảo vệ quyền lợi và có vai trò quan trọng trong việc giải quyết phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã; thủ tục phá sản gần như không thể thực hiện nếu thiếu sự tham gia của các chủ nợ.

1.2.1.2. Phân loại chủ nợ

Một trong những mục tiêu quan trọng mà pháp luật phá sản hướng đến là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ. Về nguyên tắc, trong thủ tục phá sản, các chủ nợ đều bình đẳng với nhau về quyền lợi và nghĩa vụ. Tuy nhiên, không phải chủ nợ nào cũng có quyền lợi giống nhau. Chính vì vậy, việc phân loại chủ nợ có ý nghĩa rất quan trọng trong việc xác định vai trò cũng như trách nhiệm của từng loại chủ nợ ở mỗi giai đoạn tố tụng phá sản. Từ đó góp phần thúc đẩy việc giải quyết việc phá sản doanh nghiệp đạt được hiệu quả thiết thực.

Để phân loại các chủ nợ, cần dựa vào các tiêu chí nhất định, cụ thể:

* *Căn cứ vào tương quan giữa giá trị tài sản bảo đảm và giá trị khoản nợ:*

+ *Chủ nợ có bảo đảm* là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba (Khoản 5 Điều 4 Luật Phá sản 2014).

Đây là loại chủ nợ được bảo đảm về quyền lợi nhiều nhất trong ba loại chủ nợ được Luật Phá sản 2014 quy định, bởi chủ nợ có bảo đảm luôn được pháp luật bảo vệ quyền lợi bởi chính giá trị tài sản bảo đảm mà doanh nghiệp, hợp tác xã đem cầm cố, thế chấp; và có thể hiểu giá trị tài sản bảo đảm tương đương với giá trị khoản nợ. Ví dụ: Ngân hàng X cho công ty cổ phần Y vay 2 tỷ đồng và nhận tài sản thế chấp là mảnh đất của công ty được định giá là 2,3 tỷ. Như vậy, ở đây Ngân hàng X chính là chủ nợ có bảo đảm; bởi quyền lợi của Ngân hàng được đảm bảo bằng chính giá trị mảnh đất tương đương với khoản tiền mà ngân hàng X cho công ty Y vay.

+ *Chủ nợ có bảo đảm một phần* là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ được bảo đảm

bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba mà giá trị tài sản bảo đảm thấp hơn khoản nợ đó (Khoản 6 Điều 4 Luật Phá sản 2014).

Đây cũng có thể được xem là chủ nợ có bảo đảm bởi bản thân số nợ của chủ nợ này cũng được bảo đảm bằng chính tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc bên thứ ba. Tuy nhiên, Luật Phá sản 2014 đã mang đến cái nhìn cụ thể hóa khi dựa vào sự chênh lệch giữa giá trị tài sản bảo đảm và giá trị khoản nợ của doanh nghiệp trong việc phân nhỏ loại chủ nợ này. Theo đó, chủ nợ có bảo đảm một phần được đảm bảo về quyền lợi ít hơn so với chủ nợ có bảo đảm; bởi chính giá trị tài sản bảo đảm nhỏ hơn so với giá trị khoản nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã. Nếu xét theo ví dụ trên về Ngân hàng X và công ty cổ phần Y, nếu mảnh đất mà công ty đem thế chấp được định giá là 1,5 tỷ nhỏ hơn khoản vay 2 tỷ, thì Ngân hàng X ở đây chính là chủ nợ có bảo đảm một phần.

+ *Chủ nợ không có bảo đảm* là cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu doanh nghiệp, hợp tác xã phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ không được bảo đảm bằng tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba (Khoản 4 Điều 4 Luật Phá sản 2014).

Đây là loại chủ nợ bị ảnh hưởng và thiệt hại nặng nề nhất khi doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ phá sản; bởi số nợ của họ không được bảo đảm bằng bất kỳ một tài sản nào của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba. Khả năng thu hồi nợ của loại chủ nợ này dường như là khó khăn hơn rất nhiều so với hai loại chủ nợ kia, thậm chí, họ có thể mất trắng số nợ trong trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không còn tài sản để thanh toán.

Theo quy định tại Luật Phá sản 2014 không phải mọi chủ nợ trên đều có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mà chỉ chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ không có bảo đảm mới có quyền nộp đơn (Khoản 1 Điều 5 Luật Phá sản 2014). Về nguyên tắc, mọi chủ nợ đều bình đẳng và đều có quyền lợi nhất định trong vụ việc phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Tuy nhiên, quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm bị hạn chế bởi chính sự thỏa thuận về việc xử lý giá trị tài sản được bảo đảm, họ luôn có trong tay tài sản cầm cố, thế chấp không phụ thuộc vào việc doanh nghiệp, hợp tác xã có bị phá sản hay không; nghĩa là quyền lợi của họ được bảo

đảm rất lớn. Do vậy, pháp luật phá sản có giới hạn nhất định về quyền của loại chủ nợ này so với các chủ nợ khác.

** Căn cứ vào chủ thể cho doanh nghiệp vay nợ:*

+ Chủ nợ là Ngân hàng thương mại

Ngày nay, cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, hoạt động ngân hàng – tài chính ngày càng phát triển và phổ biến trong xã hội. Việc các doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động kinh doanh có nhu cầu về vốn, đặc biệt là một khoản vốn lớn thì “lời giải” hữu hiệu nhất vẫn là tìm đến các Ngân hàng thương mại để vay vốn thông qua hợp đồng tín dụng. Thực tế cho thấy, việc tồn đọng nợ xấu do các doanh nghiệp, hợp tác xã làm ăn kém hiệu quả trong giai đoạn kinh tế khó khăn và không có khả năng thanh toán hết nợ diễn ra khá phổ biến hiện nay. Điều này cho thấy chủ nợ chủ yếu của doanh nghiệp, hợp tác xã chính là các ngân hàng thương mại, đây cũng là lí do mà tác giả xin được phép phân loại riêng Ngân hàng là một loại chủ nợ mà không gộp vào nhóm chủ nợ khác.

+ Chủ nợ là Nhà nước

Quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã gắn liền với chức năng và thẩm quyền của các cơ quan quản lý Nhà nước về kinh tế. Có thể thấy một trong những nghĩa vụ quan trọng của doanh nghiệp, hợp tác xã mà Luật doanh nghiệp 2014 quy định đó là doanh nghiệp phải kê khai thuế và nộp thuế. Đây là nghĩa vụ tài sản bắt buộc của doanh nghiệp, hợp tác xã đối với Nhà nước khi tham gia vào môi trường kinh doanh. Một doanh nghiệp, hợp tác xã có thể phải nộp rất nhiều loại thuế khác nhau như: thuế môn bài, thuế giá trị gia tăng cho hàng hóa và dịch vụ mà doanh nghiệp kinh doanh, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế xuất – nhập khẩu nếu doanh nghiệp có hành vi xuất khẩu hay nhập khẩu hàng hóa,... Gánh nặng về thuế cùng với việc hoạt động kinh doanh kém hiệu quả của doanh nghiệp, hợp tác xã là nguyên nhân dẫn đến tình trạng nợ thuế là tương đối lớn. Không những thế, trong quá trình kinh doanh, doanh nghiệp, hợp tác xã cũng có thể đối mặt với các khoản nợ khác đối với Nhà nước như: tiền thuê đất ; nợ tiền điện, tiền nước phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp; nợ tiền phạt vi phạm về bảo vệ môi trường do quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;...

+ *Chủ nợ là người lao động*

Người lao động là đối tượng bị ảnh hưởng nhiều nhất khi doanh nghiệp, hợp tác xã mà họ đang làm việc bị phá sản, bởi lẽ khi doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào phá sản; những người lao động có thể phải đứng trước nguy cơ thất nghiệp, không có thu nhập nuôi sống bản thân và gia đình mình. Quan hệ về tài sản giữa doanh nghiệp, hợp tác xã – chủ sử dụng lao động và người lao động thường là quan hệ tiền lương, bảo hiểm xã hội cũng như các quyền lợi vật chất khác được quy định trong hợp đồng lao động. Những quan hệ này khó được giải quyết trong giai đoạn doanh nghiệp, hợp tác xã làm ăn yếu kém và bị mất khả năng thanh toán; khi đó, người lao động là chủ thể bị ảnh hưởng nặng nề vì doanh nghiệp, hợp tác xã không thanh toán lương đúng hạn, không thực hiện nghĩa vụ đóng bảo hiểm xã hội... Theo tinh thần của Luật phá sản thì người lao động được xem là chủ nợ lương, bảo hiểm xã hội và các khoản nợ khác gắn liền với thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động, đồng thời, người lao động được xem là chủ nợ không có bảo đảm đặc biệt.

+ *Chủ nợ là tổ chức, cá nhân khác*

Các tổ chức, cá nhân khác thông qua mối quan hệ với doanh nghiệp, hợp tác xã cũng có thể trở thành chủ nợ của doanh nghiệp. Mối quan hệ đó có thể là cho doanh nghiệp vay nợ hoặc những khoản nợ phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng, giao dịch thương mại (ví dụ như khoản tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại do doanh nghiệp có hành vi vi phạm hợp đồng gây thiệt hại cho tổ chức hoặc cá nhân...).

* *Căn cứ vào tiến trình giải quyết phá sản doanh nghiệp*

Nếu xét theo tiến trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã cụ thể lấy dấu mốc là thời điểm Tòa án ra quyết định mở thủ tục giải quyết phá sản thì có thể chia chủ nợ ra làm 2 loại: chủ nợ cũ và chủ nợ mới.

+ *Chủ nợ cũ* là những chủ nợ tồn tại trước thời điểm Tòa án ra quyết định mở thủ tục giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã. Đây là những chủ nợ thực hiện việc gửi giấy đòi nợ trong thời hạn quy định của luật phá sản và được có tên trong danh sách chủ nợ do Quản tài viên/Doanh nghiệp quản lý và thanh lý tài sản lập nên.

+ *Chủ nợ mới* là những chủ nợ phát sinh sau khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã. Bởi theo quy định của luật phá sản

thì mọi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản vẫn được tiến hành bình thường nhưng phải chịu sự giám sát, kiểm tra của thẩm phán và Quản tài viên/Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản. Doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán sau khi có quyết định mở thủ tục phá sản của Tòa án vẫn có thể tiếp tục hoạt động và giao kết hợp đồng, tiến hành các giao dịch liên quan đến việc vay vốn, huy động vốn. Hơn nữa, một trong những mục tiêu cơ bản của pháp luật phá sản là giúp con nợ thoát khỏi tình trạng phá sản bằng cách cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi hoạt động kinh doanh nếu nó có khả năng phục hồi; để thực hiện tốt mục tiêu này, Luật Phá sản đã tạo điều kiện để doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán được tiếp tục tiến hành các giao dịch kinh doanh với đối tác, với các chủ thể để tăng cường tiềm lực giải thoát khỏi bờ vực phá sản. Có nghĩa là, vẫn sẽ có những chủ nợ phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã kể từ sau thời điểm Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, những chủ nợ này có thể được xem là chủ nợ mới của doanh nghiệp, hợp tác xã.

Có thể nói, việc phân loại chủ nợ có ý nghĩa quan trọng trong việc xác định vai trò và vị trí của các loại chủ nợ trong tiến trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, cũng như việc bảo vệ quyền lợi của từng loại chủ nợ. Điều đó đòi hỏi pháp luật phá sản phải có sự phân loại hợp lý để các chủ nợ có thể phát huy được vai trò của mình, góp phần đảm bảo việc thực thi pháp luật trên thực tế có hiệu quả thiết thực.

1.2.2. Những yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giải quyết yêu cầu phá sản

Chủ nợ được xem là một trong những chủ thể có vai trò quyết định đối với việc giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và được pháp luật phá sản bảo đảm về quyền lợi; tuy nhiên, vai trò đó có được phát huy đúng tinh thần của pháp luật trên thực tế hay không lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố; những yếu tố này ảnh hưởng trực tiếp đến việc xác định vai trò của chủ nợ trong quá trình giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Thứ nhất, cơ chế và mục đích của việc giải quyết phá sản: Đây là yếu tố khá quan trọng trong việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ. Cũng như pháp luật nhiều nước trên thế giới, pháp luật phá sản ở Việt Nam thực hiện cơ chế giải quyết quyền lợi tài

sản giữa chủ nợ và con nợ; với mục đích căn bản vẫn là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chủ nợ và con nợ - hai chủ thể thiết yếu của một vụ phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Đặc biệt, chủ nợ là những người có nguy cơ sẽ phải gánh chịu nhiều thiệt hại từ việc phá sản một doanh nghiệp, hợp tác xã. Vì vậy, cùng với cơ chế và mục đích của Luật phá sản, vai trò của chủ nợ cũng cần được xác định rõ ràng nhằm đảm bảo quyền lợi cho chủ thể quan trọng này, đồng thời thể hiện đúng mục tiêu và hiện thực hóa cơ chế giải quyết phá sản.

Thứ hai, sự bảo đảm về tài sản cũng là một yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản. Theo quy định của Luật Phá sản 2014 có ba loại chủ nợ cơ bản: chủ nợ có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ không có bảo đảm; sự phân chia này dựa trên mối quan hệ giữa giá trị khoản nợ và giá trị tài sản bảo đảm theo cấp độ giảm dần; giá trị tài sản bảo đảm trong tương quan với giá trị khoản nợ sẽ tỷ lệ nghịch với quyền lợi cũng như vai trò của chủ nợ. Chủ nợ nào nắm giữ tài sản bảo đảm có giá trị càng lớn và bảo đảm được quyền lợi về tài sản càng nhiều thì lại có vai trò càng hạn chế trong việc tham gia giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Điều đó được thể hiện rõ nét qua các giai đoạn của thủ tục phá sản có sự tham gia của chủ nợ, kể từ thời điểm nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đến thời điểm thanh toán, phân chia tài sản của doanh nghiệp. Ngay từ giai đoạn đầu tiên, có thể thấy rõ vai trò của mỗi loại chủ nợ là khác nhau tùy thuộc vào giá trị tài sản bảo đảm đối với khoản nợ mà doanh nghiệp mắc nợ, đó là trong ba loại chủ nợ, chỉ có hai loại chủ nợ có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã là chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ không có bảo đảm. Đây là hai chủ nợ có sự bảo đảm về tài sản thấp hơn với chủ nợ có bảo đảm, do vậy Luật phá sản đề cao vai trò của hai loại chủ nợ này nhằm thể hiện sự công bằng và bảo vệ quyền lợi của họ. Bên cạnh đó, giai đoạn phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã là giai đoạn thể hiện rõ nét vai trò của Hội nghị chủ nợ; việc Hội nghị chủ nợ có được tiến hành hay không và việc nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có được thông qua hay không hoàn toàn phụ thuộc vào loại chủ nợ không có bảo đảm đại diện cho số nợ không có bảo đảm; chủ nợ có bảo đảm hầu như không có vai trò gì trong Hội nghị này bởi chính sự bảo đảm khá lớn về quyền lợi so với chủ nợ khác. Như vậy, có thể thấy

sự bảo đảm về tài sản hay giá trị tài sản bảo đảm có ý nghĩa hết sức quan trọng và là một yếu tố ảnh hưởng rất lớn đến tư duy lập pháp trong việc xác định vai trò của mỗi loại chủ nợ.

Thứ ba, tình trạng tài sản của doanh nghiệp ở thời điểm mở thủ tục phá sản cũng là một yếu tố tác động đến việc xác định và bảo vệ quyền lợi của chủ nợ. Bởi lẽ một trong những mục tiêu của Luật phá sản là giải quyết quyền lợi về tài sản cho các chủ nợ thông qua việc phân chia các khoản nợ dựa trên số tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã. Đối với trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh thua lỗ và không còn tài sản hoặc còn rất ít tài sản, không đủ để thực hiện những nghĩa vụ tối thiểu và cơ bản nhất (nộp tạm ứng phí phá sản, thanh toán phí phá sản) thì Tòa án sẽ ra quyết định tuyên bố phá sản; như vậy không cần đến sự tham gia của chủ nợ thì việc giải quyết phá sản vẫn phải kết thúc, hay nói cách khác, chủ nợ không thể hiện được vai trò của mình hay không có quyền lợi gì trong việc giải quyết phá sản và chấp nhận “trắng tay” trong trường hợp đặc biệt này. Có thể thấy chỉ khi nào doanh nghiệp, hợp tác xã còn tài sản thì Tòa án mới áp dụng các thủ tục cơ bản trong quá trình giải quyết phá sản, khi đó vai trò và quyền lợi của các chủ nợ mới được xác định và thể hiện rõ nét.

Ngoài những yếu tố trên, tư duy lập pháp, tình hình phát triển kinh tế - xã hội của từng quốc gia cũng là những nhân tố ảnh hưởng không nhỏ đến việc xác định và bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

1.2.3. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục giải quyết phá sản theo quy định pháp luật một số nước trên thế giới

Phá sản được xem là một hiện tượng tất yếu của nền kinh tế thị trường, vì vậy ở những quốc gia có nền kinh tế thị trường phát triển thì hiện tượng này diễn ra khá phổ biến. Các doanh nghiệp khi tham gia vào môi trường kinh doanh đều không tránh khỏi quy luật cạnh tranh và đào thải tự nhiên, đó cũng chính là nhân tố thúc đẩy nền kinh tế - xã hội phát triển bền vững. Cũng như Luật phá sản Việt Nam, pháp luật về phá sản ở các quốc gia trên thế giới cũng có những quy định khá chặt chẽ với mục đích chung là bảo vệ quyền lợi cho các chủ thể có liên quan, đặc biệt là chủ nợ của doanh nghiệp.

Trong đó, việc xác định rõ quyền lợi của các chủ nợ trong quá trình tham gia vào giải quyết phá sản doanh nghiệp luôn có ý nghĩa rất lớn. Tuy nhiên, do đặc thù của quan điểm chính trị, tình hình phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi quốc gia là không giống nhau dẫn đến tư duy lập pháp trong việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản cũng có nhiều điểm khác biệt.

1.2.3.1. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong pháp luật phá sản của Pháp

Cũng như Luật phá sản của Việt Nam hay nhiều quốc gia khác, Luật phá sản Pháp cũng quy định về quyền nộp đơn của các chủ nợ trong việc yêu cầu giải quyết phá sản đối với doanh nghiệp mắc nợ. Tuy nhiên, nếu Luật phá sản Việt Nam có sự phân biệt rõ ràng về ba loại chủ nợ: chủ nợ có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần, chủ nợ không có bảo đảm thì Luật phá sản Pháp lại không có sự phân biệt chủ nợ có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần. Điều đó dẫn đến việc xác định thẩm quyền của chủ nợ trong việc nộp đơn yêu cầu giải quyết phá sản doanh nghiệp cũng khác nhau, theo Luật phá sản Pháp, mọi chủ nợ đều có quyền nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản khi phát hiện tình trạng mất khả năng thanh toán của doanh nghiệp [7]. Điều đó cho thấy pháp luật phá sản Pháp tạo điều kiện tối đa bảo đảm quyền lợi cho các chủ nợ phát huy được vai trò của mình trong việc nộp đơn yêu cầu giải quyết phá sản doanh nghiệp mà không có sự phân biệt hay hạn chế giữa các loại chủ nợ.

Xét về khía cạnh chủ nợ là người lao động, pháp luật phá sản Pháp cũng có những quy định khá đặc trưng khi bảo vệ quyền lợi của chủ thể này trong việc nộp đơn yêu cầu tuyên bố phá sản doanh nghiệp, đó là: người lao động chỉ có quyền nộp đơn khi đã nhận được bản án của Tòa lao động sơ thẩm chống lại người sử dụng lao động. Khi được yêu cầu, Tòa Thương mại có thể ngay lập tức tiến hành mở thủ tục phục hồi hoặc thanh toán [7]. Theo quy định này thì người lao động không có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản ngay sau khi doanh nghiệp không trả được lương cho người lao động như quy định của Luật phá sản Việt Nam. Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là quyền lợi của họ không được bảo đảm như người lao động ở Việt Nam hay một số nước khác, bởi vì, theo quy định của pháp luật Cộng hòa Pháp các khoản nợ lương được coi là các khoản nợ có bảo đảm, được bảo đảm bởi cơ quan bảo hiểm tiền lương cho người lao động và khoản lương này được trả trước khi có đơn yêu cầu mở

thủ tục phá sản. Như vậy, quy định của Luật phá sản Pháp không thể hiện rõ nét việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ là người lao động trong việc nộp đơn yêu cầu giải quyết phá sản doanh nghiệp, nhưng về cơ bản, quyền lợi của người lao động ở Pháp luôn được bảo đảm.

Đối với quyền của chủ nợ trong vấn đề tổ chức lại hoặc phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, nếu ở Luật phá sản Việt Nam hay Luật phá sản Nhật Bản, chủ nợ có vai trò quan trọng trong việc quyết định cứu doanh nghiệp thoát khỏi tình trạng phá sản, cụ thể là ở Việt Nam, các chủ nợ thông qua Hội nghị chủ nợ để thực hiện quyền năng của mình; thì pháp luật phá sản Pháp lại không quy định thẩm quyền nào cho Hội nghị chủ nợ, và trên thực tế, Hội nghị chủ nợ không có vai trò gì trong tổ tụng phá sản ở Pháp, thậm chí không tồn tại. Các chủ nợ có thể tham gia vào thủ tục giải quyết phá sản với tư cách người kiểm tra, giám sát hoạt động của người quản lý tài sản và các chủ nợ không có quyền quyết định việc gì. Luật phá sản Pháp cho phép Tòa án quyết định chấp thuận hay từ chối kế hoạch do người được Tòa án chỉ định đưa ra mà không cần các chủ nợ lớn phải thông qua. Người được Tòa án chỉ định có trách nhiệm tư vấn cho các nhà quản lý doanh nghiệp, những người đại diện cho người lao động, các chủ nợ của doanh nghiệp và các cơ quan có liên quan khác và yêu cầu họ cho biết quan điểm của họ là nên để doanh nghiệp tiếp tục tồn tại hay là thanh toán nó. Nhưng quyết định cuối cùng lại do Tòa án quyết định mà không cần sự đồng ý của các chủ nợ. Đây được xem là đặc điểm khá đặc trưng của Luật phá sản Pháp.

Có thể nhận thấy, trong Luật phá sản Pháp, chủ nợ không được bảo vệ nhiều về quyền lợi khi tham gia giải quyết phá sản doanh nghiệp. Hiệu quả của việc giải quyết phá sản hoàn toàn phụ thuộc vào vai trò mang tính chất quyết định của các cơ quan tư pháp.

1.2.3.2. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong pháp luật phá sản Nhật Bản

Do hoàn cảnh lịch sử nên hệ thống pháp luật phá sản ở Nhật Bản được quy định trong nhiều luật, bộ luật khác nhau và được ban hành tại nhiều thời điểm khác nhau, đó là: Luật Phá sản (năm 1922); Bộ luật thương mại (năm 1938); Luật về thoả hiệp

(năm 1922; năm 2000); Bộ luật về phục hồi dân sự (năm 1999; năm 2000); Luật về tổ chức lại công ty (năm 1952).

Để giải quyết tình trạng một doanh nghiệp làm ăn thua lỗ, pháp luật Nhật Bản quy định về thủ tục thanh lý tài sản và thủ tục phục hồi, trong đó việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ cũng được đề cập đến một cách khác biệt giữa các loại thủ tục.

Quyền của chủ nợ trong thủ tục thanh lý tài sản chưa được thể hiện rõ: Theo quy định của pháp luật phá sản Nhật Bản thì khi các bên xác nhận những nguyên nhân gây nên tình trạng phá sản đang tồn tại thì có thể gửi đơn yêu cầu phá sản đối với người mắc nợ. Tuy nhiên, ở Nhật Bản chủ yếu là người mắc nợ nộp đơn xin phá sản. Chỉ một số ít vụ chủ nợ nộp đơn xin phá sản người mắc nợ, như: Ngân hàng yêu cầu phá sản đối với người mắc nợ để thu hồi nợ. Có nghĩa là mặc dù pháp luật phá sản Nhật Bản đã quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong việc nộp đơn yêu cầu giải quyết phá sản doanh nghiệp nhưng thực tế thì các chủ nợ chưa phát huy được vai trò này.

Việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong Luật phá sản Nhật Bản được thể hiện rõ nét trong thủ tục phục hồi, bao gồm: thủ tục tổ chức lại công ty (tái thiết công ty), thủ tục phục hồi dân sự và thủ tục sắp xếp lại công ty.

Trong thủ tục tổ chức lại công ty, có thể nhận thấy một trong những đặc trưng của thủ tục này liên quan đến quyền tham gia của chủ nợ là: có thể hạn chế quyền của chủ nợ có bảo đảm (có nghĩa là quyền của chủ nợ đối với tài sản thế chấp của người mắc nợ bị đình chỉ, tạm thời chưa thanh toán, chưa giải quyết quyền lợi cho chủ nợ có bảo đảm, quyền này sẽ được khôi phục khi công ty người mắc nợ bị phá sản). Trong thời hạn một năm kể từ ngày Tòa án mở thủ tục tái thiết công ty, phương án tái thiết công ty phải hoàn thành và nếu chưa hoàn thành thì được gia hạn thêm một năm nữa. Phương án này do hội nghị chủ nợ có bảo đảm và hội nghị chủ nợ không có bảo đảm thông qua. Trên thực tế thì chỉ tiến hành một hội nghị chủ nợ, nhưng phát hành hai lá phiếu khác nhau cho hai loại chủ nợ. Phải có trên 2/3 chủ nợ không có bảo đảm và 3/4 chủ nợ có bảo đảm tán thành thì phương án tái thiết được thông qua. Phương án giảm nợ phải có 4/5 chủ nợ có bảo đảm thông qua.

Cũng tương tự như thủ tục tổ chức lại công ty, thủ tục phục hồi dân sự cũng nhằm bảo đảm cho doanh nghiệp mắc nợ tiếp tục kinh doanh, tạo cơ hội cho doanh nghiệp mắc nợ phục hồi kinh tế sau khi gặp khó khăn về tài chính chứ không phải là thanh toán nó. Trong đó, theo quy định của Luật phá sản Nhật Bản thì trong vòng ba tháng kể từ ngày Tòa án quyết định mở thủ tục, doanh nghiệp mắc nợ phải nộp phương án phục hồi, có thể được gia hạn hai lần, mỗi lần một tháng. Nếu đã gia hạn hai lần mà không có phương án phục hồi thì Tòa án ra quyết định phá sản. Trong vòng năm tháng kể từ ngày Tòa án mở thủ tục sẽ triệu tập hội nghị chủ nợ để thông qua phương án phục hồi người mắc nợ. Nếu trên 1/2 số chủ nợ (với trên 1/2 tổng số nợ) tán thành phương án phục hồi, thì phương án này được Tòa án công nhận và doanh nghiệp mắc nợ sẽ thực hiện phương án phục hồi trong vòng ba năm. Như vậy có thể thấy theo tinh thần của Luật phá sản Nhật Bản thì chủ nợ có vai trò đặc biệt quan trọng, mang tính quyết định đến việc phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

Đối với thủ tục sắp xếp lại công ty, xét về bản chất cũng là thủ tục phục hồi lại công ty nhưng được giải quyết ngoài Tòa án. Quyền của chủ nợ cũng được thể hiện thông qua thủ tục này bởi theo quy định của pháp luật phá sản Nhật Bản, phương án sắp xếp lại công ty cần phải được Hội nghị chủ nợ thông qua, doanh nghiệp mắc nợ sẽ gặp từng chủ nợ để thỏa thuận việc sắp xếp lại công ty (hoãn nợ, mức trả nợ, cách thức trả nợ, bỏ bớt lĩnh vực kinh doanh không có lãi...). Trong thủ tục này, pháp luật có quy định cho phép sự can thiệp cần thiết của Tòa án đối với những chủ nợ có bảo đảm nếu muốn bán tài sản thế chấp thì Tòa án sẽ ra lệnh ngăn chặn. Tuy nhiên, sự can thiệp của Tòa án là rất hạn chế [7].

Như vậy, có thể thấy cũng như pháp luật Việt Nam, pháp luật phá sản của Nhật Bản đề cao vai trò của chủ nợ thông qua các thủ tục phá sản cơ bản, điều đó thể hiện tinh thần lập pháp phù hợp với mục đích của pháp luật phá sản nói chung là bảo vệ quyền lợi của chủ nợ.

1.2.3.3. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong pháp luật phá sản Trung Quốc

Theo quy định của pháp luật Trung Quốc, khái niệm phá sản được hiểu là khi doanh nghiệp không có khả năng thanh toán khoản nợ đến hạn thì bị xem xét khả năng doanh nghiệp bị phá sản. Việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong quá trình giải quyết

phá sản ở Trung Quốc cũng được thể hiện thông qua việc pháp luật cho phép họ có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp bị lâm vào tình trạng phá sản và hai thủ tục giải quyết phá sản được đưa ra là: thủ tục thanh lý và tổ chức lại (phục hồi), trong đó, các chủ nợ cũng có những vai trò nhất định, cụ thể:

Đối với thủ tục thanh lý, theo quy định của pháp luật phá sản Trung Quốc thì các chủ nợ sẽ đăng ký đòi nợ theo thủ tục quy định trong vòng 1 tháng hoặc trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận được thông báo của Tòa án về chấp nhận đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản. Vai trò của chủ nợ trong giai đoạn này thể hiện thông qua ý chí đòi nợ - đây vừa là sự bảo vệ quyền lợi của chính các chủ nợ, đồng thời cũng là nhân tố thúc đẩy việc giải quyết phá sản doanh nghiệp đạt hiệu quả thiết thực.

Còn đối với thủ tục phục hồi, pháp luật Trung Quốc quy định thủ tục này cũng có thể được áp dụng nếu giữa chủ nợ và người mắc nợ đạt được thoả thuận. Quá trình này chỉ kéo dài tối đa trong thời hạn hai năm. Trong thời hạn thực hiện kế hoạch tổ chức lại, nếu tình trạng của doanh nghiệp bị xấu đi, doanh nghiệp không thực hiện đúng kế hoạch tổ chức lại đã được thông qua hoặc doanh nghiệp có những hành vi gian dối thì kế hoạch tổ chức lại sẽ bị đình chỉ và doanh nghiệp sẽ bị tuyên bố phá sản. Như vậy, tuy ở mức độ khác nhau nhưng cũng như Luật phá sản Việt Nam và Nhật Bản, Luật phá sản Trung Quốc đã có những quy định thể hiện rõ nét vai trò quan trọng của chủ nợ trong vấn đề phục hồi doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản [7].

Nói tóm lại, mặc dù pháp luật phá sản ở các nước khác nhau thì đều có những quy định nhằm bảo vệ quyền lợi của chủ nợ không giống nhau, nhưng tựu chung lại đều hướng tới một trong những mục tiêu cơ bản của Luật phá sản đó là bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho các chủ nợ của doanh nghiệp. Luật phá sản Việt Nam đã có sự tham khảo tinh tế và kế thừa tư duy pháp lý của pháp luật phá sản nhiều nước trên thế giới trong việc quy định bảo vệ quyền lợi của chủ nợ khi tham gia giải quyết phá sản doanh nghiệp, từ đó áp dụng phù hợp với tình hình phát triển nền kinh tế thị trường và quan điểm lập pháp ở Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh những ưu điểm đã làm được thì những quy định về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong quá trình giải quyết phá sản nói riêng và các quy định của Luật Phá sản 2014 nói chung còn tồn tại nhiều bất cập dẫn đến sự khó khăn khi áp dụng pháp luật vào thực tiễn đời sống xã hội. Đó là nguyên

nhân khiến cho việc hướng dẫn và thi hành Luật phá sản hiện nay trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết và cũng là những vấn đề mà đề tài sẽ đề cập đến ở chương tiếp theo.

Kết luận chương 1

Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản là một khái niệm pháp lý có ý nghĩa quan trọng trong pháp luật phá sản ở Việt Nam. Khi doanh nghiệp, hợp tác xã (con nợ) bị mất khả năng thanh toán thì chủ nợ là một trong những chủ thể có ý nghĩa quyết định đối với sự sống còn của các con nợ, là đối tượng có quyền yêu cầu mở thủ tục phá sản, hay thông qua phương án phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh để con nợ có cơ hội cứu chính mình. Tuy nhiên, đó cũng là một trong những chủ thể bị thiệt hại nặng nề nhất nếu doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản. Chính vì vậy, pháp luật phá sản Việt Nam thể hiện rất rõ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ trong những quy định của mình. Chương 1 của luận văn đã tập trung phân tích và làm rõ những vấn đề quan trọng sau:

- Luận văn tập trung phân tích, làm rõ một số vấn đề lý luận liên quan đến bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giải quyết yêu cầu phá sản: Sự cần thiết phải bảo vệ quyền lợi của chủ nợ; ý nghĩa của việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ, vai trò của pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ, phương thức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giải quyết yêu cầu phá sản.

- Luận văn tập trung làm rõ đối tượng là chủ nợ của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán bằng việc đưa ra các tiêu chí phân loại chủ nợ, là căn cứ để xác định vai trò của chủ nợ trong thủ tục phá sản; xác định những yếu tố ảnh hưởng đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giải quyết yêu cầu phá sản; so sánh với pháp luật một số quốc gia trên thế giới.

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CHỦ NỢ Ở VIỆT NAM

2.1. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giai đoạn nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản

Nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là thủ tục bắt buộc đầu tiên trong trình tự giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã không thể được mở ra nếu thiếu đi giai đoạn quan trọng này. Hay nói cách khác, đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản là căn cứ để Tòa án có ra quyết định mở thủ tục phá sản hay không.

Pháp luật phá sản được đặt ra trước hết nhằm bảo vệ quyền về tài sản của các chủ nợ. Do vậy, hầu hết luật phá sản các nước đều trao cho chủ nợ quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán như một cách để cho các chủ nợ có thể tự bảo vệ quyền lợi của mình bằng chính quyền năng cơ bản này, đồng thời cũng tạo điều kiện cho các chủ nợ phát huy được vai trò của mình trong tiến trình giải quyết phá sản.

Theo quy định tại Luật Phá sản 2014, chủ nợ được phân thành ba loại: chủ nợ có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ không có bảo đảm. Về nguyên tắc, các chủ nợ đều có quyền và nghĩa vụ bình đẳng trong thủ tục phá sản; tuy nhiên, pháp luật phá sản tạo nên sự bình đẳng bằng việc bảo đảm quyền lợi công bằng cho các loại chủ nợ; và như vậy không phải chủ nợ nào cũng có vai trò giống nhau trong giai đoạn đầu của thủ tục phá sản. Theo Khoản 1 Điều 5 Luật Phá sản 2014 thì “*Chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán.*” Theo đó, pháp luật phá sản chỉ trao quyền nộp đơn này cho chủ nợ không có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần mà không cho phép chủ nợ có bảo đảm thực hiện việc nộp đơn. Quy định này xuất phát từ quan điểm cho rằng quyền đòi nợ của các chủ nợ có bảo đảm luôn được ưu tiên bằng tài sản có bảo đảm của doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc của người thứ ba; tức là quyền

lợi của họ luôn được bảo vệ trong mọi trường hợp. Vì vậy, nếu quy định cho các chủ nợ có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã bị mất khả năng thanh toán là không cần thiết. Quyền nộp đơn này chỉ dành cho chủ nợ không có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần – đây là hai loại chủ nợ bị xâm phạm về lợi ích nhiều hơn trong tương quan với chủ nợ có bảo đảm, việc cho hai loại chủ nợ này quyền nộp đơn sẽ giúp họ có cơ hội lựa chọn một thủ tục thích hợp nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình khi doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ họ lâm vào tình trạng phá sản.

Theo quy định của Luật Phá sản 2014 thì những chủ nợ không có bảo đảm hay có bảo đảm một phần khi nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các tài liệu do pháp luật quy định và theo yêu cầu của Tòa án trong quá trình tiến hành thủ tục phá sản. Cũng giống với Luật Phá sản 2004, Luật Phá sản 2014 đã loại bỏ những quy định về nghĩa vụ của chủ nợ khi nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản phải cung cấp các giấy tờ, tài liệu chứng minh doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán nợ đến hạn là điểm khác so với Điều 7 Luật Phá sản doanh nghiệp 1993 và khoản 3 Điều 10 Nghị định 189/CP của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật phá sản doanh nghiệp 1993. Bởi quy định này là một trở ngại lớn đối với chủ nợ nếu muốn nộp đơn yêu cầu giải quyết phá sản. Muốn chứng minh một doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thì phải có đầy đủ giấy tờ về tổng số nợ đến hạn của doanh nghiệp, hợp tác xã giá trị tài sản còn lại của con nợ, tình hình kinh doanh,... trong khi đó chủ nợ nộp đơn chỉ có thể có giấy tờ liên quan đến các khoản nợ của mình, việc tiếp cận và thu thập được các giấy tờ liên quan đến tình hình tài chính của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ là hết sức khó khăn. Vì vậy, việc Luật Phá sản 2014 khắc phục được hạn chế đó đã tạo điều kiện thuận lợi cho các chủ nợ phát huy được vai trò của mình trong việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Trong giai đoạn nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã không thể không nhắc đến vai trò của một loại chủ nợ khá đặc biệt, chính là người lao động. Về thực chất đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ, người lao động có thể được xem là chủ nợ không có bảo đảm, hàng hóa duy nhất đem ra trao đổi là

sức lao động và tiền lương – nguồn sống chính của bản thân và gia đình họ. Do đó, khi doanh nghiệp, hợp tác xã lâm vào tình trạng phá sản thì người lao động là một trong những đối tượng bị thiệt hại nhiều nhất, không có lương, nguy cơ thất nghiệp đe dọa [21, tr.9]. Chính vì thế, để bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động, Khoản 2 Điều 5 Luật Phá sản 2014 đã có quy định về quyền của người lao động trong việc nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Theo quy định của Luật Phá sản 2014, người lao động với tư cách là một loại chủ nợ không có bảo đảm đặc biệt cũng có vai trò khá quan trọng trong việc phát hiện và nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. Bằng việc trao quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã với tư cách cá nhân cho người lao động, Luật Phá sản 2014 đã bảo vệ rất lớn quyền lợi của loại chủ nợ đặc biệt này so với Luật phá sản trước đó. Cụ thể, Luật Phá sản 2004 quy định người lao động chỉ được phép nộp đơn thông qua người đại diện hoặc thông qua đại diện công đoàn cùng với những tỷ lệ phức tạp tại Điều 14, quy định này đã trở thành một “rào cản” rất lớn gây khó khăn cho việc thực thi quyền nộp đơn của người lao động trên thực tế, đồng thời cũng làm hạn chế quyền lợi của người lao động trong việc tạo nên sự khởi đầu của thủ tục giải quyết phá sản.

Xét trên phương diện mỗi cá nhân người lao động thì họ đều là người làm công ăn lương, họ bỏ ra sức lao động và doanh nghiệp, hợp tác xã phải trả lương cho họ là điều đương nhiên; vậy bản thân mỗi cá nhân đó cũng là một chủ nợ không có bảo đảm đối với khoản nợ lương đến hạn phải trả mà doanh nghiệp, hợp tác xã chưa thanh toán. Vì thế, họ cần được đối xử bình đẳng như mỗi một chủ nợ không bảo đảm khác, trước tiên là quyền nộp đơn trong việc yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã nơi họ làm việc. Tinh thần này đã được thể hiện trong Luật Phá sản 2014, Luật Phá sản mới đã trao cho người lao động và đại diện tổ chức công đoàn quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã với quy định tại Khoản 2 Điều 5: "*Người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày phải thực hiện nghĩa vụ trả lương, các khoản nợ khác đến hạn đối với người lao động mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện*

nghĩa vụ thanh toán.". Quy định này có ý nghĩa khuyến khích người lao động nộp đơn yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã cũng như tạo điều kiện cho người lao động phát huy vai trò và bảo vệ được quyền lợi của mình một cách đơn giản mà không cần phải thông qua đại diện với tỷ lệ phức tạp như quy định của Luật Phá sản 2004. Đây là điều hợp lý và phù hợp với tinh thần của pháp luật lao động nước ta, cụ thể tại Điều 96 Bộ Luật Lao động 2012 quy định: "*Người lao động được trả lương trực tiếp, đầy đủ và đúng thời hạn. Trường hợp đặc biệt không thể trả lương đúng thời hạn thì không được chậm quá 1 tháng và người sử dụng lao động phải trả thêm cho người lao động một khoản tiền ít nhất bằng lãi suất huy động tiền gửi do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm trả lương*". Hay có thể dẫn chiếu quan điểm của Phó chủ tịch Quốc hội Uông Chu Lưu về vấn đề này, đó là : "*anh kinh doanh mà nợ lương người lao động đến 10 triệu thì người lao động cũng có quyền nộp đơn yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản. doanh nghiệp kinh doanh mà đến lương của người lao động còn phải nợ thì dù là doanh nghiệp to hay nhỏ, quy mô vài chục triệu đồng hay cả trăm ngàn tỷ đồng cũng như nhau*" [8]. Tuy vậy, xét về tính khả thi của quy định này thì chưa hoàn toàn phù hợp với thực tế; rõ ràng người lao động là người phải chịu nhiều thiệt hại và ảnh hưởng nặng nề nhất nếu doanh nghiệp, hợp tác xã nơi họ làm việc bị phá sản và việc nợ lương là điều mà cả bản thân người lao động và doanh nghiệp, hợp tác xã đều không mong muốn. Nhưng ở thời buổi kinh tế suy thoái và có nhiều biến động như hiện nay, việc các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh khó khăn và tình trạng nợ lương người lao động diễn ra khá phổ biến và cũng là một điều khá dễ hiểu. Hơn nữa, một mục tiêu quan trọng và mang tính nhân đạo của Luật phá sản đó là cứu con nợ thoát khỏi bờ vực phá sản; liệu Luật Phá sản 2014 quy định như vậy có thể hiện đúng tinh thần và nhiệm vụ của Luật phá sản hay không? Liệu người lao động có thể phát huy được vai trò của mình trong việc tham gia giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã trên thực tế hay không? Điều đó cần phải xem xét trên nhiều phương diện để pháp luật sửa đổi vừa hợp lý, vừa có tính khả thi nhưng cũng đảm bảo tính nhân văn; và tác giả xin phép được đưa ra quan điểm và kiến nghị về vấn đề này ở chương sau của luận văn.

2.2. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giai đoạn mở thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản

Để mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã Tòa án phải xác định doanh nghiệp, hợp tác xã đó có thực sự lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán, tức là không thực hiện nghĩa vụ thanh toán khoản nợ trong 03 tháng kể từ ngày đến hạn thanh toán (Khoản 1 Điều 4 Luật Phá sản 2014). Quy định này đã giúp doanh nghiệp mắc nợ có một khoảng thời gian nhất định để bảo đảm khả năng thanh toán nợ, hướng tới bảo vệ quyền lợi của con nợ. Tuy nhiên, ở một góc độ khác, có thể nhận thấy việc xác định doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán của Luật Phá sản 2014 thay thế cho khái niệm “doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản” của Luật Phá sản 2004 cũng đã bảo vệ quyền lợi của chính các chủ nợ. Bởi lẽ theo Luật Phá sản 2004 thì một doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản tức là đáp ứng đủ hai điều kiện được quy định tại Điều 3 Luật Phá sản 2004, đó là: mất khả năng thanh toán nợ đến hạn và khi có yêu cầu của chủ nợ. Có nghĩa là chủ nợ chỉ có thể nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi bản thân họ có hành vi “yêu cầu” doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ thanh toán khoản nợ đến hạn. Còn nếu khoản nợ đến hạn nhưng chủ nợ chưa có hành vi “đòi nợ” thì doanh nghiệp, hợp tác xã chưa lâm vào tình trạng phá sản và chủ nợ cũng không được nộp đơn lên Tòa án trong trường hợp này. Rõ ràng Luật Phá sản 2014 với quy định tại Khoản 1 Điều 5 “*Chủ nợ không có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày khoản nợ đến hạn mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán*” đã bảo vệ quyền lợi của chủ nợ khi trao cho họ quyền nộp đơn mà không cần căn cứ vào yếu tố “hành vi đòi nợ”, tức là chỉ cần hết thời hạn 03 tháng mà doanh nghiệp, hợp tác xã vẫn không trả được khoản nợ đến hạn thì chủ nợ có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản.

Có thể nói việc Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản là một dấu mốc quan trọng trong tiến trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và quyền lợi của các chủ nợ cũng được bảo đảm và phát huy mạnh mẽ kể từ thời điểm này. Quyết định mở thủ tục phá sản đã mở ra một thủ tục tư pháp đặc biệt mà ở đó quyền lợi của chủ nợ được pháp luật quan tâm bảo vệ, điều đó thể hiện thông qua quy định về gửi giấy đòi

nợ của các chủ nợ sau khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã tại Điều 66 Luật Phá sản 2014. Rõ ràng mục tiêu cơ bản của các chủ nợ khi tham gia vào quá trình tố tụng phá sản đó là đòi được nợ, vì vậy nên để bảo vệ quyền lợi của họ, Luật phá sản qua các thời kỳ đều có quy định khá chặt chẽ liên quan đến vấn đề này.

Quy định của Điều 66 cho thấy tính chất đặc biệt của việc đòi nợ trong thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã các chủ nợ không đòi nợ riêng rẽ mà đồng loạt gửi giấy đòi nợ (kể cả những khoản nợ chưa đến hạn) lên Quản tài viên/Doanh nghiệp quản lý và thanh lý tài sản trong thời hạn luật định. Điều đó thể hiện pháp luật phá sản luôn quan tâm bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ thông qua việc tạo điều kiện cho họ phát huy sức mạnh tập thể góp phần đẩy nhanh tiến độ giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã đồng thời hiện thực hóa mục tiêu của pháp luật phá sản trên thực tế.

2.3. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giai đoạn tiến hành Hội nghị chủ nợ

Hội nghị chủ nợ có thể được xem là nơi thể hiện tiếng nói của các chủ nợ trong quá trình giải quyết phá sản. Hội nghị chủ nợ có vai trò to lớn trong việc thúc đẩy tiến trình giải quyết vụ việc phá sản của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ và chủ nợ chính là những người đóng vai trò quan trọng trong cơ quan này. Pháp luật phá sản đã bảo vệ rất lớn quyền lợi của các chủ nợ thông qua việc trao cho họ những quyền năng khi tham gia vào Hội nghị quan trọng này.

2.3.1. Quyền tham gia vào Hội nghị chủ nợ

Trong giai đoạn này, vai trò của các chủ nợ thể hiện trước hết ở việc tham gia vào Hội nghị chủ nợ. Điều 77 Luật Phá sản 2014 đã quy định cụ thể thành phần tham gia Hội nghị chủ nợ, bao gồm: (i) Chủ nợ có tên trong danh sách chủ nợ; (ii) Đại diện cho người lao động, đại diện công đoàn được người lao động ủy quyền; (iii) Người bảo lãnh sau khi đã trả nợ thay cho doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán; (iv) Người nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản, chủ doanh nghiệp hoặc người đại diện hợp pháp của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán.

Như vậy, có thể thấy theo quy định của Luật Phá sản 2014, thành phần chủ yếu của Hội nghị chủ nợ là các chủ nợ, điều đó chứng tỏ chủ nợ có vai trò rất lớn trong hoạt động của Hội nghị chủ nợ và pháp luật phá sản rất quan tâm đến quyền lợi của

chủ nợ trong hội nghị này. Đây là điều hợp lý, bởi nó thể hiện đúng tinh thần của pháp luật phá sản; và hầu hết pháp luật phá sản các quốc gia khác trên thế giới đều trao quyền tham gia Hội nghị chủ nợ cho các chủ nợ, suy cho cùng mục đích căn bản của Luật phá sản cũng chính là việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các chủ nợ - chủ thể chịu nhiều thiệt hại nặng nề từ việc doanh nghiệp phá sản; vì thế nên họ phải được pháp luật bảo vệ và phải được thể hiện tiếng nói của mình. So với Tổ quản lý và thanh lý tài sản được quy định trong Luật Phá sản 2004 – một thiết chế tập thể có sự tham gia của chủ nợ thì Hội nghị chủ nợ chính là nơi để các chủ nợ phát huy rõ nét hơn cả vai trò quan trọng của mình trong quá trình giải quyết phá sản.

2.3.2. Quyền của chủ nợ đối với việc tổ chức Hội nghị chủ nợ

Luật Phá sản 2014 đã cho phép tất cả các chủ nợ có trong danh sách chủ nợ đều có quyền tham gia Hội nghị chủ nợ, trong đó bao gồm cả ba loại chủ nợ: chủ nợ có bảo đảm, chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ không có bảo đảm. Về nguyên tắc, các chủ nợ đều có quyền lợi và nghĩa vụ bình đẳng với nhau trong quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp. Tuy nhiên, tùy thuộc vào đặc thù của từng loại chủ nợ mà pháp luật phá sản trao cho họ những quyền lợi khác nhau khi tham gia vào Hội nghị chủ nợ.

Sự khác biệt về quyền lợi và vai trò của mỗi loại chủ nợ trong Hội nghị chủ nợ được thể hiện rõ nét trong quy định về điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ, được quy định tại Điều 79 Luật Phá sản 2014. Theo đó, một trong hai điều kiện cần và đủ để xác định tính hợp lệ của Hội nghị chủ nợ là “*có số chủ nợ tham gia đại diện cho ít nhất 51% tổng số nợ không có bảo đảm*”, quy định này đã khắc phục được những bất cập của quy định điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ trong Luật Phá sản 2004, đó là theo Luật Phá sản 2004, một trong hai điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ là có “*quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm đại diện cho từ hai phần ba tổng số nợ không có bảo đảm trở lên tham gia*”. Nghĩa là điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ theo quy định của Luật Phá sản 2004 chỉ căn cứ vào số lượng chủ nợ không có bảo đảm, còn chủ nợ có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần không có vai trò gì trong vấn đề này. Có thể hiểu rằng trong ba loại chủ nợ thì chủ nợ không có bảo đảm chịu thiệt hại nặng nề nhất bởi vì bản thân khoản nợ của họ không được bảo đảm bằng bất cứ tài sản nào, vì vậy Luật phá sản đã bảo vệ lợi ích của họ bằng cách trao cho loại chủ nợ này những quyền

năng gần như tuyệt đối so với hai loại chủ nợ còn lại. Vì vậy, việc Luật Phá sản 2004 quy định điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ là căn cứ vào số lượng chủ nợ không có bảo đảm tham gia cũng là điều dễ hiểu, tuy nhiên, vấn đề khó hiểu ở đây là tại sao “số chủ nợ không có bảo đảm” này lại đại diện cho “tổng số nợ không có bảo đảm”? Điều này tỏ ra bất hợp lý bởi nếu xét là “tổng số nợ không có bảo đảm” thì nó cũng bao gồm phần nợ không có bảo đảm trong tổng số nợ của chủ nợ có bảo đảm một phần; tức là đối với phần nợ không bảo đảm này thì chủ nợ có bảo đảm một phần cũng không khác gì chủ nợ không có bảo đảm. Như vậy, chủ nợ có bảo đảm một phần cũng có vai trò như chủ nợ không có bảo đảm trong việc tạo nên điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ. Luật Phá sản 2004 quy định như vậy vô hình trung đã gây khó khăn khi áp dụng vào thực tiễn và hạn chế rất lớn đến quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm một phần. Đây là quy định thiếu công bằng và không thỏa đáng cho loại chủ nợ này khi họ có phần nợ không có bảo đảm như các chủ nợ không có bảo đảm khác, nhưng lại không được đại diện cho phần nợ đó để thể hiện tiếng nói và vai trò của mình trong Hội nghị chủ nợ; và quyền lợi đáng lẽ ra cũng thuộc về chủ nợ có bảo đảm một phần thì lại do chủ nợ không có bảo đảm nắm giữ hoàn toàn. Hạn chế này đã được Luật Phá sản 2014 khắc phục khi đơn giản hóa quy định về điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ và bảo vệ quyền lợi của loại chủ nợ có bảo đảm một phần. Với tinh thần của điều luật thì vai trò này chỉ thuộc về các chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ không có bảo đảm, bởi chỉ có họ mới có thể đại diện cho những phần nợ không có bảo đảm. Còn chủ nợ có bảo đảm thì luôn được bảo đảm bằng giá trị tài sản cầm cố, thế chấp của doanh nghiệp mắc nợ và đương nhiên, nếu như theo quy định của Luật phá sản thì họ không có các khoản nợ không có bảo đảm, vì vậy họ sẽ không có quyền lợi khi xét đến tính hợp lệ của Hội nghị chủ nợ. Quy định như vậy xuất phát từ việc bảo vệ quyền lợi cho những đối tượng bị thiệt hại nhiều nhất từ việc doanh nghiệp phá sản, và nó cũng phù hợp với quy định về quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp của chủ nợ; theo đó chỉ có chủ nợ có bảo đảm một phần và chủ nợ không có bảo đảm mới có những quyền năng này; như một cách để “bù đắp” cho họ hoặc giúp họ có tiếng nói bảo vệ chính mình trước nguy cơ bị xâm phạm về quyền lợi. Chủ nợ có bảo đảm cũng

là một loại chủ nợ được Luật phá sản ghi nhận, nhưng dường như loại chủ nợ này có vai trò rất mờ nhạt trong suốt quá trình tiến hành Hội nghị chủ nợ.

Tuy nhiên, nếu quy định về điều kiện hợp lệ của Hội nghị chủ nợ liên quan đến quyền lợi của các chủ nợ trong Luật Phá sản 2014 đã khắc phục được những hạn chế, bất cập của Luật Phá sản 2004 và đã bảo vệ quyền lợi của cả loại chủ nợ có bảo đảm một phần, thì đối với quy định về điều kiện thông qua Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, Luật Phá sản 2014 lại đi theo “vết xe đổ” của Luật Phá sản 2004. Điều đó thể hiện tại Khoản 2 Điều 81 Luật Phá sản 2014: “*Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua khi có quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành*”. Quy định này một lần nữa đã vi phạm rất lớn quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm một phần khi mà pháp luật chỉ căn cứ vào chủ nợ không có bảo đảm đại diện cho toàn bộ tổng số nợ không có bảo đảm. Bên cạnh đó nó còn đặt ra nhiều vấn đề khó hiểu và gây không ít khó khăn khi áp dụng vào thực tiễn, đó là:

Thứ nhất, nghị quyết sẽ rất khó thông qua nếu như phải đáp ứng điều kiện như vậy, bởi nếu đảm bảo đủ “quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm có mặt” nhưng số chủ nợ này lại không đủ “65% tổng số nợ không có bảo đảm”; hay trường hợp những chủ nợ không có bảo đảm tham gia Hội nghị đã đủ đại diện cho “65% tổng số nợ không có bảo đảm” nhưng số lượng chủ nợ này lại chưa “quá nửa” số chủ nợ không có bảo đảm thì đều không thể thông qua Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, và dĩ nhiên lá phiếu của số chủ nợ này gần như bị vô hiệu hóa trong những trường hợp như vậy. Có thể lấy ví dụ một tình huống giả định như sau: Công ty cổ phần X bị Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản, và công ty có 4 chủ nợ là A, B, C và D – cả 4 đều là chủ nợ không có bảo đảm và đều tham gia họp Hội nghị chủ nợ. Trong đó A cho công ty X vay 4 tỷ, B cho vay 3 tỷ, C cho vay 2 tỷ và D cho vay 1 tỷ. Tổng số nợ không bảo đảm ở đây là 10 tỷ. Vậy để áp dụng điều kiện thông qua Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ theo quy định của Luật phá sản trong thực tế là điều không đơn giản, bởi nếu B,C,D biểu quyết thông qua tức là đã đủ “quá nửa” số chủ nợ nhưng không đủ điều kiện đại diện cho “65% tổng số nợ” vì mới chỉ chiếm 60% tổng số nợ; hay nếu A và B thông qua thì đã thừa đủ điều kiện đại diện cho ít nhất “65% tổng số nợ” nhưng lại không đủ tỷ lệ “quá nửa”

số chủ nợ vì mới chỉ đạt được $\frac{1}{2}$ số chủ nợ chứ chưa quá bán. Như vậy, hai trường hợp này đều không thể thông qua Nghị quyết Hội nghị chủ nợ và lá phiếu của các chủ nợ trong cuộc họp dường như vô giá trị.

Thứ hai, việc chỉ tính số lượng chủ nợ có bảo đảm “có mặt tại Hội nghị” nhưng lại đại diện cho 65% toàn bộ số nợ không có bảo đảm, tức là cả số nợ không có bảo đảm của những chủ nợ không có mặt tại Hội nghị là rất bất hợp lý, thiếu tính khả thi và gây khó khăn cho việc áp dụng vào thực tế. Cũng ví dụ giả định trên: Trường hợp B không tham gia họp Hội nghị chủ nợ thì Hội nghị chủ nợ vẫn có thể hợp lệ vì đã có A,C,D tham gia là “quá nửa” số chủ nợ không có bảo đảm đại diện cho từ “65% tổng số nợ không có bảo đảm” (A, C, D đại diện cho 70% số nợ), tuy nhiên nếu trong Hội nghị, A và C thông qua Nghị quyết thì mới chỉ đáp ứng điều kiện “quá nửa số chủ nợ có mặt” nhưng lại không đáp ứng được điều kiện đại diện cho từ “65% tổng số nợ không có bảo đảm” tức là tính cả số nợ của B mặc dù B không tham gia (A và C mới chỉ chiếm 60% tổng số nợ).

Luật Phá sản 2014 đã có bước tiến bộ rõ nét trong việc bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ, khi quy định về “Ban đại diện chủ nợ” tại Điều 82: “*Ban đại diện chủ nợ thay mặt cho các chủ nợ thực hiện giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, đề xuất với Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản về việc thực hiện Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ. Trường hợp Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản không thực hiện đề xuất thì Ban đại diện chủ nợ có quyền thông báo bằng văn bản với Thẩm phán phụ trách giải quyết phá sản*”. Có thể thấy Ban đại diện này giống như một “cơ quan phát ngôn” để các chủ nợ thể hiện quyền lợi tập thể, đưa ra những ý kiến, đề xuất thiết thực nhằm hướng tới việc giải quyết phá sản một cách có hiệu quả. Với quy định mới này, Luật Phá sản 2014 đã góp phần bảo vệ rất lớn quyền lợi của các chủ nợ so với các Luật phá sản trước đó.

Rõ ràng những quy định của Luật Phá sản 2014 ở giai đoạn tiến hành Hội nghị chủ nợ đã có tính tiến bộ hơn so với Luật Phá sản 2004 trong việc bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ, tuy nhiên tiến bộ này là chưa triệt để, vẫn còn “tư duy cũ”, “lối mòn” làm ảnh hưởng đến quyền lợi của chủ nợ và gây không ít khó khăn, vướng mắc khi áp dụng pháp luật vào thực tiễn thi hành. Điều đó cần được sửa đổi và hoàn thiện nhằm

nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật phá sản và giúp các chủ nợ phát huy được vai trò quan trọng của mình trong giai đoạn tiền hành Hội nghị chủ nợ nói riêng và trong suốt quá trình tổ tụng phá sản nói chung.

2.4. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ

Phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ và thanh lý tài sản là hai thủ tục quan trọng không thể thiếu trong hệ thống pháp luật phá sản của tuyệt đại đa số các quốc gia trên thế giới. Đây là hai thủ tục đại diện cho hai mục tiêu chính khi ban hành Luật phá sản, đó là hướng tới bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ thông qua thủ tục thanh lý và hướng tới cứu con nợ thoát bờ vực phá sản thông qua thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh. Đặc biệt, Luật phá sản của hầu hết các nước đều thiên về thủ tục phục hồi – điều này thể hiện tư duy pháp lý tiên tiến trong bối cảnh kinh tế thế giới hiện nay. Bởi việc cứu được một con nợ “lâm bệnh” thoát khỏi “cái chết không mong muốn” sẽ hữu ích hơn cho nền kinh tế - xã hội, cho các chủ nợ và những đối tượng có liên quan gấp nhiều lần so với việc “khai tử” con nợ đang “lâm bệnh”. Giúp con nợ thoát khỏi nguy cơ phá sản chính là bảo vệ quyền lợi của chính con nợ và của cả các chủ nợ, từ đó bảo đảm sự ổn định của nền kinh tế đất nước – đây mới thực sự là mục tiêu chính của Luật phá sản trong thời kỳ hiện đại. Và câu hỏi đặt ra: Ai sẽ là người có vai trò trong việc hiện thực hóa mục tiêu quan trọng này? Không ai khác chính là các chủ nợ - bởi việc “cứu sống” hay “khai tử” doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của họ, vì vậy, họ cần phải được quyết định về vấn đề này để bảo vệ quyền lợi có nguy cơ bị xâm phạm của mình. Cũng như pháp luật phá sản nhiều quốc gia khác trên thế giới, Luật phá sản Việt Nam đã có những quy định bảo đảm quyền lợi và vai trò của các chủ nợ trong giai đoạn áp dụng và thực thi thủ tục phục hồi kinh doanh.

2.4.1. Quyền quyết định của chủ nợ trong việc áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã

Khi đề cập đến quyền lợi của chủ nợ trong suốt tiến trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thì quyền quan trọng và mang tính quyết định nhất để vụ việc phá sản có đi đến “hồi kết” một cách hiệu quả hay không nằm ở chính quyết định

của các chủ nợ thông qua Nghị quyết trong cuộc họp Hội nghị chủ nợ. Rõ ràng quyền quyết định của các chủ nợ trong giai đoạn này thể hiện qua quan điểm và ý chí của các chủ nợ có chấp nhận cho doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng thủ tục phục hồi hay không, và Tòa án không thể ra quyết định áp dụng thủ tục này nếu như các chủ nợ không thông qua Nghị quyết về việc cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi được đưa ra trong Hội nghị chủ nợ.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Phá sản 2014 thì Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua khi có “*quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành*”. Như vậy có thể thấy việc xác định cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi thông qua Nghị quyết Hội nghị chủ nợ hoàn toàn do các chủ nợ quyết định. Mà ở đây quyền năng gần như tuyệt đối thuộc về các chủ nợ không có bảo đảm. Biết rằng pháp luật phá sản bảo vệ cho những chủ thể có nguy cơ bị xâm phạm về quyền lợi từ việc doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, tuy nhiên, nếu quy định như vậy liệu có công bằng với các chủ nợ còn lại, đặc biệt là chủ nợ có bảo đảm một phần, khi mà bản thân họ không được thể hiện tiếng nói và vai trò của mình đối với phần nợ không có bảo đảm như các chủ nợ không có bảo đảm khác? Bởi về cơ bản, chủ nợ có bảo đảm một phần cũng là một dạng chủ nợ không có bảo đảm đối với phần nợ không có bảo đảm, do giá trị tài sản bảo đảm không đủ trả hết số nợ. Vậy họ cũng là đối tượng bị thiệt hại không ít từ vụ việc phá sản và cũng cần được pháp luật bảo vệ để có thể phát huy vai trò của mình trong việc quyết định cho doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi hoạt động kinh doanh hay không.

Hơn thế nữa, việc quyết định cho doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi hoạt động kinh doanh liên quan trực tiếp đến quyền lợi của tất cả các chủ nợ chứ không riêng gì chủ nợ không có bảo đảm. Dưới góc độ logic học, xét về mức độ ý chí cho doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng thủ tục phục hồi thì các chủ nợ không có bảo đảm là những người mong muốn hơn cả. Bởi lẽ bản thân họ đại diện cho những khoản nợ không có bảo đảm và luôn được thanh toán sau các khoản nợ có bảo đảm và các thứ tự ưu tiên theo Luật phá sản quy định. Thực tế, một doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thì phần lớn còn rất ít tài sản và khả năng không đủ thanh toán hết nợ là

điều có thể dự báo trước; vậy nếu không cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi mà chuyển sang bước tuyên bố phá sản và tiến hành việc thanh lý tài sản có khác nào tạo nên sự “mạo hiểm” đối với quyền lợi về tài sản của các chủ nợ không có bảo đảm; bởi nguy cơ họ phải chịu thiệt hại nặng nề; thậm chí “trắng tay” là rất cao. Vì vậy, cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi hoạt động kinh doanh ngoài việc cứu con nợ còn là một cách để các chủ nợ không có bảo đảm “vớt vát” được quyền lợi về tài sản của mình. Bởi vậy nên, để hiện thực hóa một trong những mục tiêu cơ bản của Luật phá sản, các nhà làm luật đã bằng cách trao cho chủ nợ không có bảo đảm quyền năng gần như tuyệt đối, lấn át các chủ nợ còn lại trong việc quyết định thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ. Điều này tỏ ra khá hợp lý bởi đối với chủ nợ có bảo đảm dường như họ có xu hướng tìm đến thủ tục thanh lý tài sản để sớm thu hồi được khoản nợ thông qua việc Luật phá sản ưu tiên thanh toán cho họ bằng giá trị tài sản bảo đảm, thay vì phải đợi chờ một thời gian doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi và khả năng phục hồi được hay không cũng không thể biết trước được. Và nếu trao cho họ vai trò quyết định áp dụng thủ tục phục hồi thì khó có thể hiện thực hóa được mục tiêu cứu con nợ của pháp luật phá sản.

Tuy nhiên, trong suốt quá trình tiến hành Hội nghị chủ nợ và thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã Luật Phá sản 2014 hầu như không trao cho chủ nợ có bảo đảm quyền năng hay vai trò gì, chủ nợ có bảo đảm gần như đứng ngoài thủ tục phục hồi kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã. Có thể lấy ví dụ: Tháng 4-2017, Công ty TNHH X bị tòa án nhân dân thành phố H ra quyết định mở thủ tục phá sản với lý do X bị lâm vào tình trạng phá sản, mất khả năng thanh toán nhiều khoản nợ đến hạn đã quá ba tháng. Trong các khoản nợ mà X phải trả có một khoản nợ gần 20 tỉ đồng đã đến hạn mà X vay của ngân hàng Z được bảo đảm bằng quyền sử dụng đất của công ty. Với tư cách là chủ nợ có đảm bảo của X, ngân hàng Z đã nhiều lần tham dự các buổi làm việc và hội nghị chủ nợ của X theo thông báo của tòa án. Có thể thấy khoản nợ 20 tỷ là khoản nợ khá lớn, tuy nhiên, ngân hàng Z chỉ có quyền tham gia mà gần như không có tiếng nói trong quyết định các nội dung của Hội nghị chủ nợ. Điều đó có hợp lý khi mà việc phục hồi hoạt động kinh doanh ảnh hưởng đến quyền lợi của họ, và hơn nữa, họ là những người nắm giữ trong tay tài sản thực tế

của doanh nghiệp, hợp tác xã nhưng lại không có vai trò gì trong việc cứu doanh nghiệp, hợp tác xã thoát khỏi bờ vực phá sản? Đây là điều mà Luật phá sản cũng cần xem xét để đảm bảo sự bình đẳng trong các quy định về mỗi loại chủ nợ.

2.4.2. Quyền của chủ nợ trong quá trình xây dựng, triển khai và đình chỉ phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã

Trong thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã pháp luật luôn quan tâm bảo vệ quyền lợi của chủ nợ xuyên suốt kể từ khi quyết định áp dụng thủ tục phục hồi cho đến khi đình chỉ thủ tục phục hồi. Việc triển khai thủ tục phục hồi cũng không thể đạt hiệu quả nếu thiếu vai trò của chủ nợ.

Thứ nhất, Luật Phá sản 2014 trao cho các chủ nợ có quyền góp ý xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã: Theo quy định tại Điều 87 Luật Phá sản 2014 thì bất kỳ chủ nợ nào cũng có quyền gửi ý kiến góp ý cho phương án phục hồi hoạt động kinh doanh do doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng. Quy định này đã tạo điều kiện cho các chủ nợ tham gia một cách tích cực và chủ động hơn vào quá trình phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán... Nói cách khác, quy định này một mặt làm cho doanh nghiệp, hợp tác xã tăng cơ hội để có thể đến được với thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh nhưng mặt khác lại thể hiện được tiếng nói cũng như quyền lợi của các chủ nợ một cách rõ rệt trong tiến trình giải quyết phá sản. Thiết nghĩ như vậy cũng là điều hết sức hợp lý bởi lẽ các chủ nợ là những chủ thể có quyền và lợi ích gắn bó mật thiết với số phận của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ nên họ có quyền đóng góp công sức, trí tuệ vào “công cuộc” phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ đó khi có cơ hội [19].

Thứ hai, Luật phá sản quy định chủ nợ có vai trò quan trọng trong việc xem xét và thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ bằng việc biểu quyết trong Hội nghị chủ nợ. Cụ thể, khoản 5 Điều 91 Luật Phá sản 2014 quy định: “*Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành*”

Như vậy, có thể thấy thủ tục phục hồi được áp dụng hay không hoàn toàn phụ thuộc vào quyền biểu quyết của các chủ nợ; trước tiên là biểu quyết cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã áp dụng thủ tục phục hồi, tuy nhiên, việc Hội nghị chủ nợ cho phép doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi không có nghĩa là con nợ chắc chắn sẽ được tiến hành thủ tục này. Rõ ràng việc xây dựng phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã là rất quan trọng, bởi một mặt nó sẽ dự báo được tính khả thi và tạo được niềm tin cho các chủ nợ về một “tương lai” doanh nghiệp, hợp tác xã sẽ thoát khỏi tình trạng phá sản hiện tại; nhưng mặt khác, nếu phương án không khả thi thì sẽ gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền lợi của các chủ nợ bởi họ có thể phải chờ đợi một thời gian dài mà vẫn không thu hồi được nợ như mong muốn. Bởi vậy, quy định chủ nợ có vai trò xem xét và biểu quyết thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ là hoàn toàn hợp lý và nhằm bảo vệ quyền lợi của chính các chủ nợ. Tuy nhiên, như chúng ta đã phân tích ở trên, việc Luật phá sản quy định điều kiện thông qua Nghị quyết Hội nghị chủ nợ về phương án phục hồi là “*khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành*” đã vi phạm nghiêm trọng quyền lợi của các chủ nợ có bảo đảm một phần; việc không quy định cho họ có vai trò gì trong việc biểu quyết thông qua phương án phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã; cũng như việc chủ nợ không có bảo đảm lại đại diện luôn cả phần nợ không có bảo đảm của chủ nợ có bảo đảm một phần là điều không hợp lý.

Thứ ba, từ việc thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ, pháp luật đã ra sức bảo vệ quyền lợi của chủ nợ khi tiếp tục giao cho họ quyền giám sát việc thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh; đồng thời có quyền tham gia thỏa thuận việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã. Theo quy định tại khoản 1 Điều 93 Luật Phá sản 2014 thì: “*Sau khi Thẩm phán ra quyết định công nhận nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán, Quản tài viên, doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản, chủ nợ giám sát hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã*”. Thiết nghĩ đây là một vai trò không kém phần quan trọng, bởi chủ nợ là người có

quyền lợi gắn bó mật thiết với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã để đảm bảo cho việc thực hiện phương án phục hồi của doanh nghiệp, hợp tác xã có trách nhiệm và hiệu quả thì Luật phá sản đã giao “trọng trách” giám sát cho cả các chủ nợ - đây vừa là quyền nhưng đồng thời cũng là nghĩa vụ của chủ nợ. Bởi xét về quyền lợi, thì chủ nợ có quyền giám sát nhằm bảo đảm cho việc thực hiện phương án phục hồi doanh nghiệp cũng chính là bảo vệ quyền lợi về tài sản của chính mình, còn xét về nghĩa vụ, xuất phát từ quan điểm việc áp dụng thủ tục phục hồi là do các chủ nợ quyết định và nhằm bảo vệ quyền lợi của chính các chủ nợ, vì vậy chủ nợ phải có trách nhiệm với quyết định của mình bằng việc giám sát việc thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ, góp phần bảo đảm hiệu quả của thủ tục phục hồi và không để phương án phục hồi trở nên vô nghĩa khi áp dụng vào thực tiễn.

Có thể nói, Luật phá sản bằng việc quy định vai trò giám sát của chủ nợ trong việc thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã đã nâng cao quyền lợi của chủ nợ, đồng thời tạo điều kiện cho việc áp dụng thủ tục phục hồi đạt hiệu quả thiết thực. Tuy nhiên, liệu điều đó có khả thi khi mà Luật phá sản trao vai trò giám sát cho các chủ nợ nhưng lại không có bất kỳ một quy định nào bảo đảm cho các chủ nợ thực hiện vai trò này? Thực tế có thể xảy ra những trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã gây cản trở khi chủ nợ thực hiện việc giám sát, vậy chế định nào sẽ bảo vệ chủ nợ và giúp họ phát huy được vai trò của mình? Chưa hết, việc Luật phá sản quy định một cách chung chung là chủ nợ có nghĩa vụ giám sát việc thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mà không quy định cụ thể là chủ nợ nào hay với điều kiện như thế nào thì được giám sát doanh nghiệp, hợp tác xã theo tinh thần này có thể hiểu bất kỳ chủ nợ nào cũng có thể thực hiện nghĩa vụ giám sát, vậy nếu một chủ nợ với số nợ rất nhỏ thì liệu có nhận được “thiện chí” từ phía doanh nghiệp, hợp tác xã khi họ thực hiện vai trò của mình? Đây là những vấn đề mà các nhà làm luật cũng phải xem xét kỹ nếu muốn hiện thực hóa mục tiêu của Luật phá sản hiện đại.

Bên cạnh vai trò giám sát việc thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ, Luật phá sản còn trao cho chủ nợ quyền

tham gia vào việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh (Khoản 1 và Khoản 2 Điều 94 Luật Phá sản 2014). Theo đó: *“Trong quá trình thực hiện phương án phục hồi hoạt động kinh doanh, các chủ nợ và doanh nghiệp, hợp tác xã có quyền thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh”* và *“Thỏa thuận về việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã được chấp nhận khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành”*

Luật phá sản đã bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giai đoạn phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã thông qua việc quy định quyền lợi rất lớn của chủ nợ trong suốt quá trình triển khai thực hiện phương án phục hồi. Việc quy định phương án phục hồi hoạt động kinh doanh đã được Hội nghị chủ nợ và Thẩm phán thông qua vẫn có thể sửa đổi, bổ sung là điều rất thiết thực; bởi thời điểm xây dựng phương án phục hồi thì chưa thể dự liệu được những vấn đề phát sinh khi áp dụng và triển khai trên thực tế; và trong quá trình triển khai bản thân doanh nghiệp, hợp tác xã hay các chủ nợ sẽ nhìn ra những điểm cần sửa đổi, bổ sung để bảo đảm hiệu quả thực hiện việc phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã. Và dĩ nhiên, việc sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi nó cũng ảnh hưởng rất lớn đến quyền lợi của các chủ nợ, và chủ nợ cần được thỏa thuận và quyết định về vấn đề này.

Nói tóm lại, trong quá trình giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ được thể hiện rõ nét hơn cả ở giai đoạn phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán. Đây được xem là giai đoạn mà chủ nợ có quyền quyết định và chi phối nhất đến toàn bộ quá trình thực hiện thủ tục phục hồi. Tuy nhiên, không phải chủ nợ nào cũng được Luật phá sản trao cho quyền năng lớn như vậy; qua những gì đã phân tích, có thể nhận thấy Luật phá sản trao quyền năng gần như tuyệt đối cho chủ nợ không có bảo đảm: từ việc thông qua nghị quyết của Hội nghị chủ nợ cho phép áp dụng thủ tục phục hồi, đến việc biểu quyết thông qua phương án phục hồi, quyết định sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã mất nợ. Rõ ràng pháp luật phá sản đã bảo vệ một cách triệt để quyền lợi của chủ nợ không có bảo đảm – xuất

phát từ quan điểm họ là những người chịu thiệt hại nhiều nhất nếu doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, bởi vậy, họ cần phải được pháp luật “bù đắp” bằng cách trao cho những quyền năng và vai trò mang tính quyết định để cứu doanh nghiệp, hợp tác xã đồng thời cũng là cứu chính bản thân mình. Còn đối với chủ nợ có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần, quyền lợi của họ luôn được bảo đảm bằng giá trị tài sản cầm cố, thế chấp của doanh nghiệp, hợp tác xã có thể họ cũng sẽ chịu rủi ro từ việc doanh nghiệp, hợp tác xã phá sản, nhưng thiệt hại của họ thấp hơn rất nhiều so với chủ nợ không có bảo đảm. Vì vậy, trong giai đoạn tiến hành thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp mắc nợ, chủ nợ có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần có vai trò rất mờ nhạt, thậm chí hầu như không có vai trò gì, ý kiến hay tiếng nói của họ trong giai đoạn này cũng không có nhiều giá trị. Điều này tưởng chừng như hợp lý nhưng thực chất lại là sự bất hợp lý, bởi những quy định của Luật phá sản đã làm hạn chế rất lớn đến quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần, đặc biệt là chủ nợ có bảo đảm một phần. Hơn nữa, việc doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi được hay không có sự ảnh hưởng và liên quan trực tiếp đến quyền lợi của cả hai loại chủ nợ này, thế nhưng họ lại không được lên tiếng bảo vệ quyền lợi của chính mình mà phải “trông đợi” vào quyết định của người khác là chủ nợ không có bảo đảm. Đây là những điểm bất cập của Luật Phá sản 2014 khi chưa khắc phục được những hạn chế trước đó của Luật Phá sản 2004 về vấn đề này, gây khó khăn cho việc áp dụng thủ tục phục hồi trên thực tế.

2.5. Bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong giai đoạn thực thi quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Theo quy định của Luật Phá sản 2014, sau khi Tòa án ra quyết định tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thì việc thanh lý tài sản và thanh toán nợ cho các chủ nợ là điều hết sức quan trọng nhằm bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ trong quá trình tham gia vào tổ tụng phá sản. Bởi lẽ một mục tiêu quan trọng nhất mà các chủ nợ hướng tới đó là thu hồi nợ, và so với các Luật phá sản trước đó, Luật Phá sản 2014 đã có những quy định mang tính bảo vệ tốt hơn quyền lợi của các chủ nợ trong quá trình thanh lý tài sản và phân chia nợ.

Trước hết đó là nguyên tắc ưu tiên thanh toán các khoản nợ có bảo đảm của chủ nợ có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần theo quy định tại Điều 53 Luật Phá sản 2014. Theo nguyên tắc này, chủ nợ có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần được ưu tiên thanh toán trước bằng tài sản bảo đảm mà chủ nợ không có bảo đảm không được hưởng nguyên tắc này. Ngoài ra, quy định trên còn chứng tỏ một điều là pháp luật phá sản đã bảo vệ một cách tối đa quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm trong trường hợp “*giá trị tài sản thế chấp hoặc cầm cố không đủ thanh toán số nợ*”, có nghĩa là chỉ cần doanh nghiệp, hợp tác xã còn tài sản để thanh toán nợ thì họ vẫn còn có cơ hội để có thể thu hồi được nợ.

Đối với việc thanh toán theo thứ tự ưu tiên được quy định tại Điều 53 Luật Phá sản 2014 như sau:

- (1) Chi phí phá sản;
- (2) Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;
- (3) Khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã;
- (4) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.

Có thể thấy, Luật Phá sản 2014 vẫn quy định thứ tự ưu tiên thanh toán tài sản như quy định tại Điều 39 Luật Phá sản doanh nghiệp 1993. Các khoản chi phí cho thủ tục phá sản và các khoản thanh toán quyền lợi cho người lao động vẫn được ưu tiên trước các khoản nợ không có bảo đảm. Tuy nhiên, khác với Luật Phá sản doanh nghiệp 1993, Luật Phá sản 2004 và Luật Phá sản 2014 đã bãi bỏ ưu tiên thanh toán cho các khoản nợ thuế của Nhà nước. Bằng quan điểm xem nợ thuế là một khoản nợ như những khoản nợ khác, Luật Phá sản 2014 đã bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ không có bảo đảm bằng việc tạo nên sự bình đẳng giữa các chủ nợ có điều kiện pháp lý như nhau cho dù chủ nợ đó là Nhà nước hay chủ thể bình thường. Nợ thuế được coi là một khoản nợ không có bảo đảm và Nhà nước đơn thuần cũng chỉ

là một chủ nợ không có bảo đảm được thanh toán cùng hàng với các chủ nợ không có bảo đảm khác theo tỷ lệ tương ứng với giá trị tài sản còn lại của doanh nghiệp, hợp tác xã. Việc bãi bỏ ưu tiên thanh toán nợ thuế được xem như một điểm tiến bộ của Luật Phá sản 2014 nhằm mục đích bảo đảm sự bình đẳng giữa các chủ nợ, khuyến khích chủ nợ không có bảo đảm tích cực tham gia vào thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã [6, tr.119]. Nói cách khác, những quy định trên của Luật phá sản nhằm tạo sự khích lệ và thúc đẩy các chủ nợ không có bảo đảm phát huy mạnh mẽ vai trò của mình khi tham gia vào quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã.

Đặc biệt hơn cả, khác với Luật Phá sản 2004, Luật Phá sản 2014 đã có quy định mang tính tiến bộ rõ rệt khi bảo vệ quyền lợi của một loại chủ nợ vô cùng quan trọng - chủ nợ mới – là những chủ nợ phát sinh sau khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thông qua việc ưu tiên thanh toán trước các chủ nợ không có bảo đảm khác. Rõ ràng Luật Phá sản 2004 đã không hề đề cập đến chủ nợ mới, mặc dù nó hoàn toàn hiện hữu trong quá trình giải quyết phá sản doanh nghiệp cũng như không có các quy định về vai trò và quyền lợi của loại chủ nợ này. Điều đó đã làm hạn chế rất lớn đến khả năng phục hồi của doanh nghiệp, hợp tác xã đang đứng trước bờ vực phá sản và làm cho thủ tục phục hồi dường như chỉ tồn tại trên lý thuyết, và biến việc đầu tư kinh doanh và giao kết hợp đồng với doanh nghiệp, hợp tác xã đã bị Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản chẳng khác nào một hành động làm “tử thiện”. Nắm bắt được bất cập đó, đồng thời hướng tư duy lập pháp phù hợp với quan điểm tiên tiến trên thế giới về mục đích ban hành Luật phá sản, Luật Phá sản 2014 đã rất tiến bộ khi đề cập đến loại chủ nợ mới và quyền lợi của chủ nợ mới thông qua việc quy định quyền ưu tiên thanh toán tài sản khi phân chia tài sản phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Theo đó, các chủ nợ mới – là những chủ nợ phát sinh sau khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản nhằm mục tiêu giúp doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi hoạt động kinh doanh sẽ được ưu tiên thanh toán trước các chủ nợ khác trong thứ tự ưu tiên. Quy định này đã cho thấy Luật Phá sản 2014 đã tiến bộ hơn hẳn trong công cuộc bảo vệ quyền lợi của các chủ nợ, trong đó có chủ nợ mới; điều

này cũng góp phần rất lớn vào hiệu quả áp dụng thủ tục phục hồi kinh doanh nói riêng cũng như hiệu quả giải quyết phá sản nói chung.

Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra là trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không được áp dụng thủ tục phục hồi thì quyền lợi của những chủ nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản được giải quyết như thế nào? Và cụm từ “các khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi” dẫn đến sự khó hiểu, bởi lẽ nói như vậy có nghĩa là có thể có những khoản nợ nhằm mục đích phục hồi và những khoản nợ không nhằm mục đích phục hồi và chỉ những khoản nợ nhằm mục đích phục hồi mới được ưu tiên thanh toán trước. Đây là vấn đề rất khó để phân loại và là công việc mà văn bản hướng dẫn thi hành phải đề cập đến để giải thích rõ luật và tăng tính khả thi khi áp dụng pháp luật vào thực tiễn giải quyết phá sản.

Nói tóm lại, chủ nợ là chủ thể có vai trò quan trọng trong suốt tiến trình giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thông qua từng giai đoạn, các chủ nợ đã thể hiện được tiếng nói của mình, Luật Phá sản 2014 đã bảo vệ rất lớn quyền lợi của các chủ nợ khi đề cao vai trò của họ - vai trò đó được thể hiện rõ nét nhất trong giai đoạn tiến hành Hội nghị chủ nợ và phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã. Tuy nhiên, không phải chủ nợ nào cũng có quyền lợi và vai trò như nhau, qua những phân tích trên, có thể thấy rằng Luật phá sản dường như có sự ưu ái rất lớn cho chủ nợ không có bảo đảm khi trao cho họ quyền năng gần như tuyệt đối và lấn át các chủ nợ khác. Điều đó tỏ ra bất hợp lý và ảnh hưởng không nhỏ đến vai trò của các chủ nợ khác khi họ cũng có quyền tham gia vào thủ tục giải quyết yêu cầu phá sản đối với doanh nghiệp để bảo vệ quyền lợi của chính bản thân mình. Không những thế, nhiều quy định của Luật Phá sản 2014 về quyền lợi của chủ nợ còn bất cập gây khó khăn khi áp dụng vào thực tiễn; khiến cho việc giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã chưa đạt được hiệu quả cao và chưa thể hiện đúng tinh thần của pháp luật phá sản. Vì vậy, trong bối cảnh Luật Phá sản 2014 mới đi vào thực tiễn, thì việc đánh giá đúng tinh thần và đề xuất các kiến nghị hữu ích góp phần hoàn thiện các quy định của Luật phá sản về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ nói riêng và hoàn thiện pháp luật phá sản nói chung; từ đó nâng cao hiệu quả thực thi pháp luật phá sản là công việc có ý nghĩa thiết thực hơn bao giờ hết.

Kết luận chương 2

Phân tích thực trạng các quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản là một trong những nội dung quan trọng của chương 2 nhằm đánh giá những mặt đã đạt được và chưa đạt được, cùng với đó là những điểm mới của Luật Phá sản 2014 so với Luật Phá sản 2004 và Luật Phá sản doanh nghiệp 1993 về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản để chỉ ra những tiến bộ của Luật Phá sản 2014.

Từ những phân tích thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản, có thể thấy, Luật Phá sản 2014 ra đời đã đáp ứng được phần nào nhu cầu giải quyết các vụ phá sản hiện nay, tạo sự tin tưởng cho các chủ nợ trong giải quyết yêu cầu phá sản.

Chương 3

HOÀN THIỆN PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN LỢI CỦA CHỦ NỢ TRONG THỦ TỤC PHÁ SẢN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

3.1. Những yêu cầu đối với việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản

3.1.1. Quy định của pháp luật phá sản về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản phải đáp ứng yêu cầu của thực tiễn

Chủ nợ được xem là một trong những chủ thể có vai trò quyết định đối với việc giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã và được pháp luật phá sản bảo đảm về quyền lợi; tuy nhiên, vai trò đó có được phát huy đúng tinh thần của pháp luật trên thực tế hay không lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố, có thể xuất phát từ nguyên nhân khách quan hay nguyên nhân chủ quan.

Để các quy định của luật phá sản nói chung và các quy định về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản nói riêng đi vào đời sống, đáp ứng nhu cầu của xã hội thì quá trình xây dựng, hoàn thiện Luật phá sản về bảo vệ quyền lợi cho chủ nợ trong thủ tục phá sản phải đáp ứng yêu cầu của thực tiễn. Trong quá trình hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản phải có sự nghiên cứu khách quan, toàn diện các quy định hiện hành, cũng như thực tiễn áp dụng các quy định này trong thực tế để đảm bảo chúng phù hợp với quy luật khách quan vốn có, tức là dựa trên những đòi hỏi của thực tiễn áp dụng và đáp ứng nhu cầu của thực tiễn.

3.1.2. Quy định của pháp luật phá sản về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản phải dựa trên cơ sở hoàn thiện đồng bộ hệ thống pháp luật phá sản

Pháp luật là công cụ quản lý xã hội của Nhà nước. Chất lượng của hệ thống pháp luật là một trong những cơ sở để đảm bảo cho việc thực hiện và áp dụng pháp luật đạt được kết quả cao trong thực tiễn, đồng thời cho phép dự báo được khả năng hiện thực hóa các quy định pháp luật trong đời sống xã hội. Pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản là một bộ phận cấu thành của luật phá sản. Việc xây dựng các quy phạm pháp luật liên quan đến việc bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản phải nằm trong mối quan hệ không thể tách rời, thống nhất và

đồng bộ với nội dung của pháp luật phá sản và các văn bản pháp luật có liên quan khác.

Theo quan điểm chỉ đạo của Nghị quyết số 48-NQ/TW của Bộ Chính trị ngày 24 tháng 5 năm 2005 về Chiến lược xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật Việt Nam đến năm 2010, định hướng đến năm 2020: Xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật đồng bộ, thống nhất, khả thi, công khai, minh bạch, trọng tâm là hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; đổi mới căn bản cơ chế xây dựng và thực hiện pháp luật; phát huy vai trò và hiệu lực của pháp luật để góp phần quản lý xã hội, giữ vững ổn định chính trị, phát triển kinh tế, hội nhập quốc tế, xây dựng Nhà nước trong sạch, vững mạnh, thực hiện quyền con người, quyền tự do, dân chủ của công dân, góp phần đưa nước ta trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2020. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, tập trung vào một số lĩnh vực pháp luật kinh tế trọng điểm, đáp ứng kịp thời yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, hội nhập kinh tế quốc tế. Đặc biệt xây dựng và hoàn thiện pháp luật về sở hữu, quyền tự do kinh doanh nói chung, và đổi mới cơ bản pháp luật về phá sản nói riêng.

3.1.3. Quy định của pháp luật phá sản về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản cần phù hợp với xu hướng chung của thế giới

Đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện các cam kết quốc tế đa phương, song phương của Việt Nam, ngay từ buổi đầu của công cuộc đổi mới nền kinh tế đất nước, Việt Nam đã xây dựng và ban hành Luật Phá sản doanh nghiệp 1993, tiếp đó là Luật Phá sản 2004, hai văn bản pháp luật này đã tiệm cận với pháp luật về phá sản của các nước phát triển, nhưng vẫn còn rất nhiều hạn chế, gây khó khăn cho các doanh nghiệp và các chủ thể khác khi tham gia vào quá trình giải quyết phá sản. Luật Phá sản năm 2014 được ban hành là kết quả của việc tổng kết thực tiễn sau 10 năm thi hành Luật Phá sản 2004, đồng thời cũng là kết quả của việc nghiên cứu, tiếp thu những kinh nghiệm xây dựng pháp luật về phá sản của một số nước trong khu vực và trên thế giới. Tuy nhiên, sự tiến bộ này là chưa triệt để, khiến cho việc giải quyết phá sản vẫn

còn gặp nhiều trở ngại, gây ảnh hưởng không nhỏ cho các chủ thể khi tham gia vào quá trình tố tụng đặc biệt này.

Trong điều kiện nền kinh tế toàn cầu hóa ngày nay, nhu cầu xây dựng và hoàn thiện khung pháp luật luôn được các quốc gia quan tâm, chú ý. Trong bối cảnh đó, Đảng, Nhà nước ta hết sức quan tâm đến việc xây dựng, sửa đổi pháp luật, theo đó pháp luật phá sản cũng không là ngoại lệ. Một trong những yêu cầu đặt ra trong quá trình hoàn thiện khung pháp luật về kinh tế nói chung và pháp luật phá sản nói riêng đó là sự phù hợp với xu hướng chung của thế giới. Việc nghiên cứu, tham khảo pháp luật về phá sản của các nước trên thế giới và trong khu vực có ý nghĩa quan trọng đối với việc hoàn thiện pháp luật phá sản trong nước. Tuy nhiên, để pháp luật phá sản có thể đi vào đời sống một cách có hiệu quả, bên cạnh việc tham khảo pháp luật phá sản của các nước trên thế giới, chúng ta cần xác định rõ tình hình kinh tế xã hội của quốc gia để xây dựng quy phạm pháp luật phù hợp.

3.2. Một số kiến nghị hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản

Có thể khẳng định trong các chủ thể tham gia vào thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã thì chủ nợ là một trong những chủ thể có vai trò quan trọng nhất và được pháp luật phá sản quan tâm bảo vệ quyền lợi, thậm chí trong một số giai đoạn thì chủ nợ có vai trò mang tính quyết định; rõ ràng hiệu quả việc giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ không thể đạt được kết quả cao nếu như thiếu đi vai trò tham gia tích cực của các chủ nợ. Luật Phá sản 2014 cần có sự sửa đổi hợp lý để bảo đảm vai trò thiết thực của các chủ nợ trong suốt quá trình giải quyết phá sản. Từ những phân tích thực trạng pháp luật ở trên tác giả xin đưa ra một số kiến nghị hoàn thiện các quy định của Luật Phá sản 2014 về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ như sau:

3.2.1. Luật Phá sản 2014 cần có quy định cụ thể hơn về quyền và thủ tục nộp đơn của cá nhân người lao động

Luật Phá sản 2014 đã có quy định mang tính đột phá khi trao quyền nộp đơn riêng rẽ cho cá nhân người lao động tại Khoản 2 Điều 5: “*Người lao động, công đoàn cơ sở, công đoàn cấp trên trực tiếp cơ sở ở những nơi chưa thành lập công đoàn cơ sở có quyền nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản khi hết thời hạn 03 tháng kể từ ngày*

phải thực hiện nghĩa vụ trả lương, các khoản nợ khác đến hạn đối với người lao động mà doanh nghiệp, hợp tác xã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán”. Sở dĩ nói quy định này là đột phá bởi lẽ trong tiến trình phát triển của pháp luật phá sản ở Việt Nam, cụ thể là Luật Phá sản doanh nghiệp 1993 và Luật Phá sản 2004 đều quy định người lao động chỉ được nộp đơn thông qua đại diện hoặc tổ chức Công đoàn, thì lần đầu tiên các nhà làm luật trao quyền nộp đơn riêng rẽ cho từng cá nhân người lao động trong Luật Phá sản 2014.

Việc quy định như vậy đã bảo vệ rất lớn quyền lợi của người lao động – đối tượng luôn được pháp luật quan tâm và bảo vệ trong vấn đề giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã; qua đó, người lao động có thể dễ dàng thực hiện quyền nộp đơn của mình khi doanh nghiệp, hợp tác xã không thanh toán lương sau 03 tháng liên tục; chứ không phải thụ động chờ đợi thông qua đại diện với điều kiện rất khó thực hiện như quy định tại Luật Phá sản 2004.

Tuy nhiên, quy định cho người lao động quyền nộp đơn riêng rẽ có thể gặp phải một số vấn đề khi áp dụng vào thực tế. Bởi lẽ số lượng người lao động trong một doanh nghiệp là khá nhiều, đặc biệt là những doanh nghiệp có quy mô lớn thì có đến hàng trăm, hàng nghìn người lao động. Vậy nếu người lao động có quyền nộp đơn riêng rẽ sẽ dẫn đến tình trạng “lạm quyền” và nộp đơn một cách thiếu trật tự, gây khó khăn, phức tạp cho việc thụ lý đơn và công tác giải quyết yêu cầu mở thủ tục phá sản của Tòa án. Không những thế, việc quy định người lao động có quyền nộp đơn sau 03 tháng doanh nghiệp, hợp tác xã chậm lương cũng thiếu tính khả thi trong giai đoạn kinh tế khó khăn như hiện nay; khi mà số lượng doanh nghiệp gia tăng rõ rệt qua hàng năm khiến cho việc kinh doanh và cạnh tranh ngày càng khó khăn, và vấn đề chậm lương người lao động diễn ra khá phổ biến. Vì vậy, nếu cho phép người lao động có thể dễ dàng thực hiện quyền nộp đơn như quy định của Luật Phá sản 2014 chỉ với điều kiện doanh nghiệp, hợp tác xã chậm lương 03 tháng sẽ dẫn đến hệ quả rất nhiều doanh nghiệp, hợp tác xã ở Việt Nam hiện nay sẽ bị yêu cầu phá sản một cách ồ ạt và thiếu nhất quán. Do đó, Luật Phá sản 2014 cần bổ sung theo hướng cụ thể hơn khi quy định về thủ tục nộp đơn của cá nhân người lao động để bảo đảm việc nộp đơn có trật tự và việc giải quyết phá sản đạt hiệu quả thiết thực.

3.2.2. Sửa đổi quy định tại Điều 81 và Điều 91 về điều kiện thông qua Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ theo hướng bổ sung vai trò của chủ nợ có bảo đảm một phần.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 81 Luật Phá sản 2014, Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua khi: “*có quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ có hiệu lực ràng buộc đối với tất cả các chủ nợ*”, đồng thời Khoản 5 Điều 91 quy định “*Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ thông qua phương án phục hồi hoạt động kinh doanh khi được quá nửa tổng số chủ nợ không có bảo đảm có mặt và đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành*”. Quy định này cũng trượt theo “vết xe đổ” của Luật Phá sản 2004 khi vô hiệu hóa quyền hạn cũng như tiếng nói của chủ nợ có đảm bảo một phần, bởi lẽ về bản chất họ cũng là một chủ nợ không có bảo đảm đối với phần nợ không có bảo đảm của mình, và họ phải được đối xử công bằng với chủ nợ không có bảo đảm khác.

Vì vậy, để bảo đảm sự bình đẳng về quyền lợi giữa chủ nợ không có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần, đồng thời tạo sự khuyến khích chủ nợ có bảo đảm một phần phát huy vai trò của mình trong quá trình tham gia tổ tụng phá sản, tác giả xin được đưa ra kiến nghị sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 81 như sau:

“ 2. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua khi có quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm và có bảo đảm một phần đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành”

Hoặc:

“2. Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ được thông qua khi có quá nửa số chủ nợ đại diện cho từ 65% tổng số nợ không có bảo đảm trở lên biểu quyết tán thành”. Bởi lẽ về nguyên tắc, chỉ có chủ nợ không có bảo đảm và có bảo đảm một phần mới có “số nợ không có bảo đảm”, vì vậy, để cho điều luật trở nên gọn gàng và súc tích thì cũng chỉ cần quy định số chủ nợ đại diện cho tổng số nợ không có bảo đảm là đủ phản ánh tinh thần của điều luật. Khoản 5 Điều 91 cũng được đề xuất sửa đổi tương tự.

Tuy nhiên, quy định này còn đặt ra nhiều vấn đề phức tạp và gây không ít khó khăn khi áp dụng vào thực tiễn, đó là:

Thứ nhất, Nghị quyết sẽ rất khó thông qua nếu như phải đáp ứng điều kiện như vậy, bởi nếu đảm bảo đủ “quá nửa số chủ nợ không có bảo đảm có mặt tại Hội nghị” nhưng số chủ nợ này lại không đủ “65% tổng số nợ không có bảo đảm”; hay trường hợp những chủ nợ không có bảo đảm tham gia Hội nghị đã đủ đại diện cho “65% tổng số nợ không có bảo đảm” nhưng số lượng chủ nợ này lại chưa “quá nửa” số chủ nợ không có bảo đảm thì đều không thể thông qua Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ, và dĩ nhiên lá phiếu của số chủ nợ này gần như bị vô hiệu hóa trong những trường hợp như vậy.

Thứ hai, việc chỉ tính số lượng chủ nợ có bảo đảm “có mặt tại Hội nghị” nhưng lại đại diện cho 65% toàn bộ số nợ không có bảo đảm, tức là cả số nợ không có bảo đảm của những chủ nợ không có mặt tại Hội nghị là rất bất hợp lý, thiếu tính khả thi và gây khó khăn cho việc áp dụng vào thực tế.

Vì vậy, tác giả cho rằng nên thay đổi theo hướng giảm bớt điều kiện phức tạp làm căn cứ thông qua Nghị quyết, xác định chỉ căn cứ vào tổng số nợ không bảo đảm của những chủ nợ có mặt tại Hội nghị chủ nợ.

3.2.3. Bổ sung các quy định bảo vệ quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm trong việc quyết định một số vấn đề quan trọng trong thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã

Có thể nói trong ba loại chủ nợ được Luật Phá sản 2014 quy định thì chủ nợ có bảo đảm là loại chủ nợ có quyền lợi bị hạn chế nhất trong suốt quá trình tiến hành thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Thậm chí có nhiều giai đoạn, chủ nợ có bảo đảm dường như “đứng ngoài” thủ tục phá sản; họ được tham gia vào Hội nghị chủ nợ nhưng lại không có “thực quyền”, quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm hoàn toàn phụ thuộc vào quyết định của các chủ nợ không có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần. Điều này xuất phát từ quan điểm cho rằng xét về nguy cơ chịu thiệt hại từ việc doanh nghiệp phá sản thì chủ nợ có bảo đảm là chủ nợ chịu thiệt hại ít nhất trong ba loại chủ nợ, hay nói cách khác quyền lợi của họ luôn được bảo đảm bằng giá trị tài sản mà doanh nghiệp đem cầm cố, thế chấp; và họ luôn được ưu tiên thanh toán bằng chính giá trị tài sản này; còn chủ nợ không có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần thì có thể bị thiệt hại rất nặng nề nếu doanh nghiệp không có khả năng thanh toán

nợ. Pháp luật phá sản dựa trên tinh thần bảo vệ những chủ thể có nguy cơ bị xâm phạm về quyền lợi nhiều nhất, vì vậy có lẽ các nhà làm luật nghĩ rằng chủ nợ có bảo đảm đã được bảo đảm về quyền lợi nên việc trao cho họ vai trò quan trọng như các chủ nợ khác là không cần thiết, thậm chí còn làm cho việc giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã không đạt được mục tiêu đề ra và không thể hiện đúng tinh thần của Luật phá sản. Bởi lẽ chủ nợ có bảo đảm khi tham gia vào quá trình giải quyết phá sản thì tính chủ động, tích cực và ý thức trách nhiệm của họ có thể sẽ không bằng các chủ nợ khác; vì việc doanh nghiệp, hợp tác xã có phá sản hay không cũng không ảnh hưởng nhiều đến họ. Điều này hoàn toàn ngược lại đối với chủ nợ không có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần; bởi họ luôn lo sợ nguy cơ bị thiệt hại nặng nề nên nhất định sẽ tham gia với vai trò tích cực hơn cả để tự cứu lấy chính mình. Hơn thế nữa, trong quá trình tiến hành tổ tụng phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã chủ nợ có bảo đảm luôn có xu hướng mong muốn áp dụng thủ tục thanh lý tài sản để thu hồi nợ hơn là chờ đợi doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi hoạt động kinh doanh trong thời gian không phải là ngắn. Vì vậy, nếu trao cho họ vai trò quyết định trong thủ tục phá sản thì việc giải quyết phá sản khó có thể đạt được mục tiêu của Luật phá sản hiện đại, đó là giúp chủ nợ thoát khỏi tình trạng phá sản thông qua thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh.

Tuy nhiên, quy định hạn chế gần như tối đa quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm cũng ảnh hưởng không ít đến quyền lợi của họ; đặc biệt trong giai đoạn quan trọng như giai đoạn tổ chức Hội nghị chủ nợ và áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã. Rõ ràng số phận của doanh nghiệp, hợp tác xã có như thế nào, dù là thanh lý hay phục hồi đều ít nhiều ảnh hưởng đến quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm. Vậy nên sẽ thật bất hợp lý khi quyền lợi của họ lại phải trông chờ vào ý chí và quyết định của chủ thể khác. Thực tế cho thấy, doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán thì phần lớn đều rơi vào hoàn cảnh tài chính khá bi đát; tại thời điểm đó, hầu hết tài sản của doanh nghiệp, hợp tác xã nằm trong tay các chủ nợ có bảo đảm. Thông thường là những tài sản có giá trị lớn và chủ nợ có bảo đảm ở đây phần lớn là các ngân hàng thương mại thông qua hoạt động cấp tín dụng, cho doanh nghiệp, hợp tác xã vay nợ với sự bảo đảm bằng tài sản thế chấp. Câu hỏi đặt ra là nếu không

có những tài sản cầm cố, thế chấp thì doanh nghiệp, hợp tác xã có khả năng phục hồi được hay không?

Vì vậy, rõ ràng các chủ nợ có bảo đảm là những người nắm giữ “sự sống” của doanh nghiệp, hợp tác xã nhưng họ lại không được pháp luật trao cho một vai trò quan trọng nào trong quá trình định đoạt số phận của con nợ, đây có phải là điều hợp lý? Có thể ví chủ nợ có bảo đảm là những “cổ đông lớn” trong tổng số nợ mà doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ; thế nhưng “cổ đông lớn” lại không có quyền biểu quyết hay quyết định những vấn đề quan trọng của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ. Việc quyết định áp dụng thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã ảnh hưởng không nhỏ đến quyền lợi của các chủ nợ có bảo đảm, bản thân họ cũng có thể là con nợ của những chủ nợ khác, họ cũng cần phải duy trì sự sống của mình; họ không thể cứ đứng nhìn quyền lợi của mình do người khác quyết định, rồi trông đợi mòn mỏi vào thời gian phục hồi doanh nghiệp mà không dám chắc có rủi ro gì hay không. Hơn nữa, không phải bất kỳ chủ nợ có bảo đảm nào cũng mong muốn áp dụng thủ tục thanh lý tài sản, nhiều chủ nợ vẫn hướng tới mục tiêu “cứu sống” con nợ, như vậy quyền lợi của họ càng được bảo đảm một cách trọn vẹn.

Thiết nghĩ mặc dù Luật phá sản mong muốn hướng tới tinh thần và quan điểm lập pháp tiên tiến, đó là cứu lấy con nợ; tuy nhiên, không thể vì thế mà bỏ qua và không coi trọng quyền lợi của các chủ nợ có bảo đảm. Tác giả cho rằng Luật phá sản cần có sự sửa đổi bổ sung theo hướng nâng cao vai trò thiết thực của chủ nợ có bảo đảm bằng cách trao cho họ quyền biểu quyết cùng với các chủ nợ có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần trong Hội nghị chủ nợ và trong các vấn đề liên quan đến thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã; có thể với tỷ lệ thấp hơn nhưng ít nhất họ có quyền được thể hiện ý chí và vai trò của mình trong các giai đoạn quan trọng của thủ tục phá sản. Có như vậy thì pháp luật phá sản mới thể hiện đúng tinh thần tôn trọng và bảo vệ quyền lợi của các chủ thể có liên quan, đồng thời cũng không làm mất đi ý nghĩa và mục tiêu lập pháp đã đề ra.

3.2.4. Bổ sung các quy định về vai trò của chủ nợ mới cũng như việc bảo đảm quyền lợi cho các chủ nợ mới

Luật Phá sản 2014 đã rất tiến bộ so với Luật Phá sản 2004 khi đề cập đến loại chủ nợ mới và quyền lợi của chủ nợ mới thông qua việc quy định quyền ưu tiên thanh toán tài sản khi phân chia tài sản phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Theo đó, các chủ nợ mới – là những chủ nợ phát sinh sau khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản nhằm mục tiêu giúp doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi hoạt động kinh doanh sẽ được ưu tiên thanh toán trước các chủ nợ khác trong thứ tự ưu tiên được quy định tại Điều 54 Luật Phá sản 2014. Tuy nhiên, câu hỏi đặt ra trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã không được áp dụng thủ tục phục hồi thì quyền lợi của những chủ nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản được giải quyết như thế nào? Và cụm từ “*các khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi*” dẫn đến sự khó hiểu, bởi lẽ nói như vậy có nghĩa là có thể có những khoản nợ nhằm mục đích phục hồi và những khoản nợ không nhằm mục đích phục hồi và chỉ những khoản nợ nhằm mục đích phục hồi mới được ưu tiên thanh toán trước. Đây là vấn đề rất khó để phân loại và là công việc mà văn bản hướng dẫn thi hành phải đề cập đến để giải thích rõ luật và tăng tính khả thi khi áp dụng pháp luật vào thực tiễn giải quyết phá sản.

Luật Phá sản 2014 đã quan tâm đến quyền lợi của những chủ nợ phát sinh sau khi Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản đối với doanh nghiệp, hợp tác xã; điều này sẽ giúp cho việc phục hồi doanh nghiệp, hợp tác xã trở nên khả thi hơn trước, tuy nhiên, sự tiến bộ này là chưa triệt để. Bởi vì chỉ với việc ưu tiên thanh toán cho loại chủ nợ này, cùng quy định không rõ ràng như phân tích ở trên thì chưa đủ để khuyến khích các đối tác kinh doanh hay những nhà đầu tư tiếp tục giao kết hợp đồng hoặc thực hiện những hành vi kinh doanh đối với doanh nghiệp, hợp tác xã đang đứng trước nguy cơ phá sản. Câu hỏi đặt ra tiếp theo là những chủ nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản có được tham gia vào Hội nghị chủ nợ để góp phần quyết định “số phận” của doanh nghiệp mắc nợ? Theo quy định của Luật Phá sản 2014 thì một trong những thành phần tham gia vào Hội nghị chủ nợ là những chủ nợ có tên trong danh sách chủ nợ, bên cạnh đó, theo quy định tại Điều 66 và 67 về thời hạn gửi giấy đòi nợ và lập danh sách chủ nợ thì sau 45 ngày kể từ ngày Tòa án ra quyết định mở thủ tục phá sản

thì Quản tài viên/Doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản phải lập danh sách chủ nợ, và Luật Phá sản 2014 không có một quy định nào về việc bổ sung những chủ nợ mới vào danh sách này – mặc dù đây là loại chủ nợ có vai trò quan trọng hơn cả, và họ cần được tham gia vào Hội nghị chủ nợ để thể hiện tiếng nói và bảo vệ quyền lợi của mình. Mặc dù ở giai đoạn này, việc có tên trong danh sách chủ nợ hay không có tên trong danh sách này thì chủ nợ mới vẫn bảo đảm được quyền ưu tiên đòi nợ của mình, và cũng không thể tham gia vào việc quyết định cho doanh nghiệp, hợp tác xã phục hồi hay không. Tuy nhiên, việc được bổ sung vào danh sách chủ nợ, được tham gia vào Hội nghị chủ nợ là căn cứ để chủ nợ mới có tiếng nói của mình trong việc giám sát, sửa đổi, bổ sung phương án phục hồi hoạt động kinh doanh theo quy định tại Điều 93, 94 Luật phá sản 2014. Vì vậy, Luật Phá sản 2014 cần bổ sung những quy định mang tính cụ thể hơn để bảo đảm quyền lợi của chủ nợ mới, cũng như nâng cao mục tiêu phục hồi hoạt động kinh doanh cho doanh nghiệp, hợp tác xã mất khả năng thanh toán – một mục tiêu cốt lõi và tiến bộ của tư duy lập pháp hiện đại khi ban hành Luật phá sản.

Kết luận chương 3

Từ việc phân tích thực trạng pháp luật về bảo vệ quyền lợi của nợ trong thủ tục phá sản, bên cạnh việc đưa ra những yêu cầu trong việc hoàn thiện Luật phá sản, chương 3 của luận văn đã nêu bật được một số giải pháp, kiến nghị nhằm hoàn thiện những quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ trong thủ tục phá sản. Trong đó những giải pháp được đưa ra liên quan đến:

- Luật Phá sản 2014 cần có quy định cụ thể hơn về quyền và thủ tục nộp đơn của cá nhân người lao động để bảo đảm việc nộp đơn có trật tự và việc giải quyết phá sản đạt hiệu quả thiết thực.

- Về điều kiện thông qua Nghị quyết của Hội nghị chủ nợ theo hướng bổ sung vai trò của chủ nợ có bảo đảm một phần.

- Bổ sung các quy định bảo vệ quyền lợi của chủ nợ có bảo đảm trong việc quyết định một số vấn đề quan trọng trong thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Tác giả cho rằng Luật phá sản cần có sự sửa đổi bổ sung theo hướng nâng cao vai trò thiết thực của chủ nợ có bảo đảm bằng cách trao cho họ quyền biểu quyết cùng với các chủ nợ có bảo đảm và chủ nợ có bảo đảm một phần trong Hội nghị chủ nợ và trong các vấn đề liên quan đến thủ tục phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã; có thể với tỷ lệ thấp hơn nhưng ít nhất họ có quyền được thể hiện ý chí và vai trò của mình trong các giai đoạn quan trọng của thủ tục phá sản.

KẾT LUẬN

Qua quá trình phân tích và đánh giá, có thể khẳng định chủ nợ là chủ thể có vai trò rất quan trọng trong tiến trình giải quyết yêu cầu phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã. Việc giải quyết phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã khó đạt được hiệu quả cao nếu thiếu đi vai trò tích cực tham gia của các chủ nợ. Tuy nhiên, những quy định của Luật Phá sản 2014 về bảo vệ quyền lợi của chủ nợ nói riêng và các vấn đề liên quan đến phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã nói chung vẫn còn tồn tại nhiều bất cập, khiến cho các chủ nợ chưa phát huy được quyền lợi của mình trên thực tế.

Nói tóm lại, Luật Phá sản 2014 vẫn giữ được những nguyên tắc pháp lý cơ bản khi điều chỉnh về vấn đề phá sản – một hiện tượng tất yếu trong nền kinh tế thị trường. Bên cạnh đó, Luật Phá sản 2014 cũng đã khắc phục được rất nhiều hạn chế, bất cập mà Luật phá sản 2004 đã mắc phải. Tuy nhiên, vẫn còn đó những “cái mới mà chưa mới”, những “cái tiến bộ nhưng chưa triệt để” hay những bất cập mà các nhà làm luật nên quan tâm và kịp thời điều chỉnh thông qua việc sửa đổi hoặc ban hành văn bản hướng dẫn. Nếu coi Luật phá sản là một cái “bình”, còn các quy phạm trong nó là “rượu”; thì so với Luật phá sản 2004 thì Luật Phá sản 2014 thực sự là một cái bình mới, với thể tích lớn và chứa được nhiều rượu hơn; tuy nhiên chất lượng rượu liệu có thay đổi và có tốt hơn hay chỉ đơn thuần là “Bình mới nhưng rượu cũ” thì còn phụ thuộc vào “người uống” đánh giá - đó chính là thông qua thực tiễn kiểm nghiệm. Trên đây chỉ là những phân tích mang quan điểm của cá nhân tác giả, có thể hợp lý nhưng cũng có thể chưa hợp lý, không có mục đích nào khác ngoài việc góp một chút công sức nhỏ bé vào công cuộc hoàn thiện hành lang pháp lý về vấn đề phá sản của nước nhà. Tác giả hy vọng đây có thể là nguồn tham khảo có ích cho những nhà làm luật cân nhắc khi ban hành hoặc sửa đổi các văn bản hướng dẫn Luật Phá sản 2014.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nguyễn Văn Dũng (2004), *Cơ sở lý luận và thực tiễn của việc áp dụng các quy định của Luật phá sản về thủ tục phá sản*, Đề tài cấp bộ.
2. Giáo trình Luật Kinh doanh dành cho các Trường Đại học của C.E. Rulincki (2004), Nhà Xuất bản Norma, Matxcova.
3. Trần Thảo Huyền (2012), *Pháp luật về phục hồi doanh nghiệp tại Việt Nam – Thực trạng và giải pháp hoàn thiện*, Luận văn thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
4. Trịnh Thị Thúy Hằng (2008), *Quyền và nghĩa vụ của chủ nợ và con nợ trong thủ tục phá sản*, Khóa luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội.
5. An Phương Huệ (2004), *Luật Phá sản Việt Nam và Luật Phá sản của Cộng hòa Pháp – Những nét tương đồng và khác biệt*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
6. Dương Đăng Huệ (2004), đặc san chuyên đề về Luật Phá sản, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, Tòa án nhân dân tối cao, Số tháng 8.
7. Phan Thị Thu Hà (2010), Tìm hiểu pháp luật phá sản trên thế giới, chuyên đề khoa học xét xử, Viện Khoa học xét xử, Tòa án nhân dân tối cao, <http://luatminhkhue.vn/pha-san/tim-hieu-phap-luat-pha-san-tren-the-ioi.aspx>
8. Minh Hằng (2013), “Sửa đổi Luật Phá sản: Nợ 200 triệu là... phá sản”, <http://www.nguoiduatin.vn/sua-doi-luat-pha-san-no-200-trieu-la-pha-san-a103439.html>
9. Nghị định số 67/2006/NĐ-CP ngày 11 tháng 07 năm 2006 của Chính Phủ hướng dẫn việc áp dụng Luật Phá sản đối với doanh nghiệp đặc biệt và Tổ chức, hoạt động của Tổ quản lý, thanh lý tài sản.
10. Nghị định số 189/ CP ngày 23 tháng 12 năm 1994 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Phá sản doanh nghiệp.
11. Nghị quyết số 03/2005/NQ-HĐTP ngày 28 tháng 04 năm 2005 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Phá sản.

12. Đào Thị Hồng Phương (2009), *Thủ tục phá sản – Thực trạng và hướng hoàn thiện*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
13. Đồng Thái Quang (2005), *Thủ tục giải quyết phá sản theo Luật Phá sản (2004)*, Luận văn Thạc sỹ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.
14. Quốc hội (1993), Luật Phá sản doanh nghiệp 1993
15. Quốc hội (2004), Luật Phá sản 2004.
16. Quốc hội (2014), Luật Phá sản 2014
17. Từ điển Tiếng Việt - Viện ngôn ngữ học, Trung tâm Từ điển học, Nhà xuất bản Đà Nẵng, 2003.
18. Lê Ngọc Thắng (2013), *Luật Phá sản năm 2004 – Những quy định mới và tính khả thi*, Luận án tiến sỹ Luật học, Trường Đại học Quốc gia Hà Nội.
19. Nguyễn Thị Tình, Đỗ Phương Thảo (2013), “Mạn đàm về một số quy định về Hội nghị chủ nợ trong Luật Phá sản (2004)”, *Chuyên đề báo Pháp luật*, số tháng 6.
20. Tòa án nhân dân tối cao (2013), *Báo cáo tổng kết thi hành Luật Phá sản năm 2004*, Số 55/BC-TANDTC.
21. Vũ Hồng Vân (2005), “Quy định của Luật phá sản năm 2004 về nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản”, *Tạp chí Tòa án nhân dân*, Tòa án nhân dân tối cao.